



TRANOC-OMONWACO

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**



# MỤC LỤC

03

THÔNG TIN CHUNG

12

TÌNH HÌNH HOẠT  
ĐỘNG TRONG NĂM 2023

25

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ  
CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

30

QUẢN TRỊ CÔNG TY

33

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
NĂM 2023

40



## CHƯƠNG 1 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	04
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	07
Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức	08
Định hướng phát triển	08
Các rủi ro	10

# THÔNG TIN KHÁT QUÁT



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC – Ô MÔN

Tên Tiếng Anh	TRA NOC – O MON WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	TRANOC – OMONWACO
Mã cổ phiếu	TOW
Vốn điều lệ	79.781.500.000 đồng
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu vào ngày 06/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 05/5/2021.

Trụ sở chính	Lô 12A, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ
Số điện thoại	(0292) 3843 392
Số fax	(0292) 3744 126
Website	tranoc-omonwaco.com.vn
Email	capnuoctranoc.omon@gmail.com

# THÔNG TIN KHẮT QUÁT (Tiếp theo)

## Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn chính thức hoạt động ngày 01/8/2017 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 06/7/2017, với vốn điều lệ 53.188.000.000 đồng.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo quyết định số 832/QĐ-SGDHN ký ngày 28/12/2018. Phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TOW vào ngày 25/01/2019. Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn được cấp Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 có hiệu lực từ ngày 12/02/2019.



Công ty tăng vốn điều lệ của công ty lên 79.781.500.000 đồng thông qua hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu. Công ty thay đổi GCNĐKDN lần 02 vào ngày 05/5/2021.

Nhà máy nước Trà Nóc mở rộng thêm 10.000m<sup>3</sup> /ngày đêm: thi công hoàn thiện bể chứa 2.500 m<sup>3</sup>

2017

2018

2019

2020

2021

2022

2023



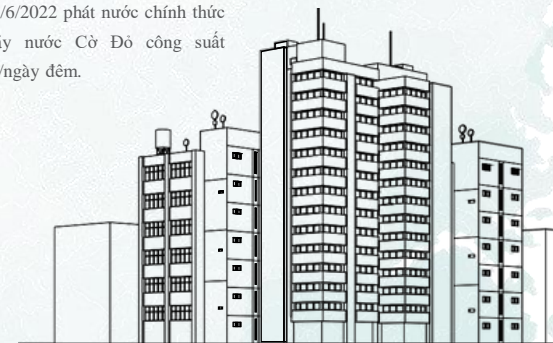
Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn đã thực hiện đăng ký chứng khoán lần đầu và được cấp mã chứng khoán là TOW theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 06/2018/GCNCP-VSD, do Trung tâm Lưu ký Việt Nam cấp ngày 31/01/2018.



Công ty nâng cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng bằng việc cho ra mắt nhiều phương tiện thanh toán hóa đơn tiền nước mà không cần dùng tiền mặt như qua hệ thống VNPT Pay, Ngân hàng Vietinbank, Ngân hàng Vietcombank, Ngân hàng Agribank và hệ thống Payoo, VNPAY...

Công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh điện năng lượng mặt trời vào ngày 20/5/2022.

Ngày 29/6/2022 phát nước chính thức Nhà máy nước Cờ Đỏ công suất 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.



# THÔNG TIN KHÁT QUÁT (Tiếp theo)

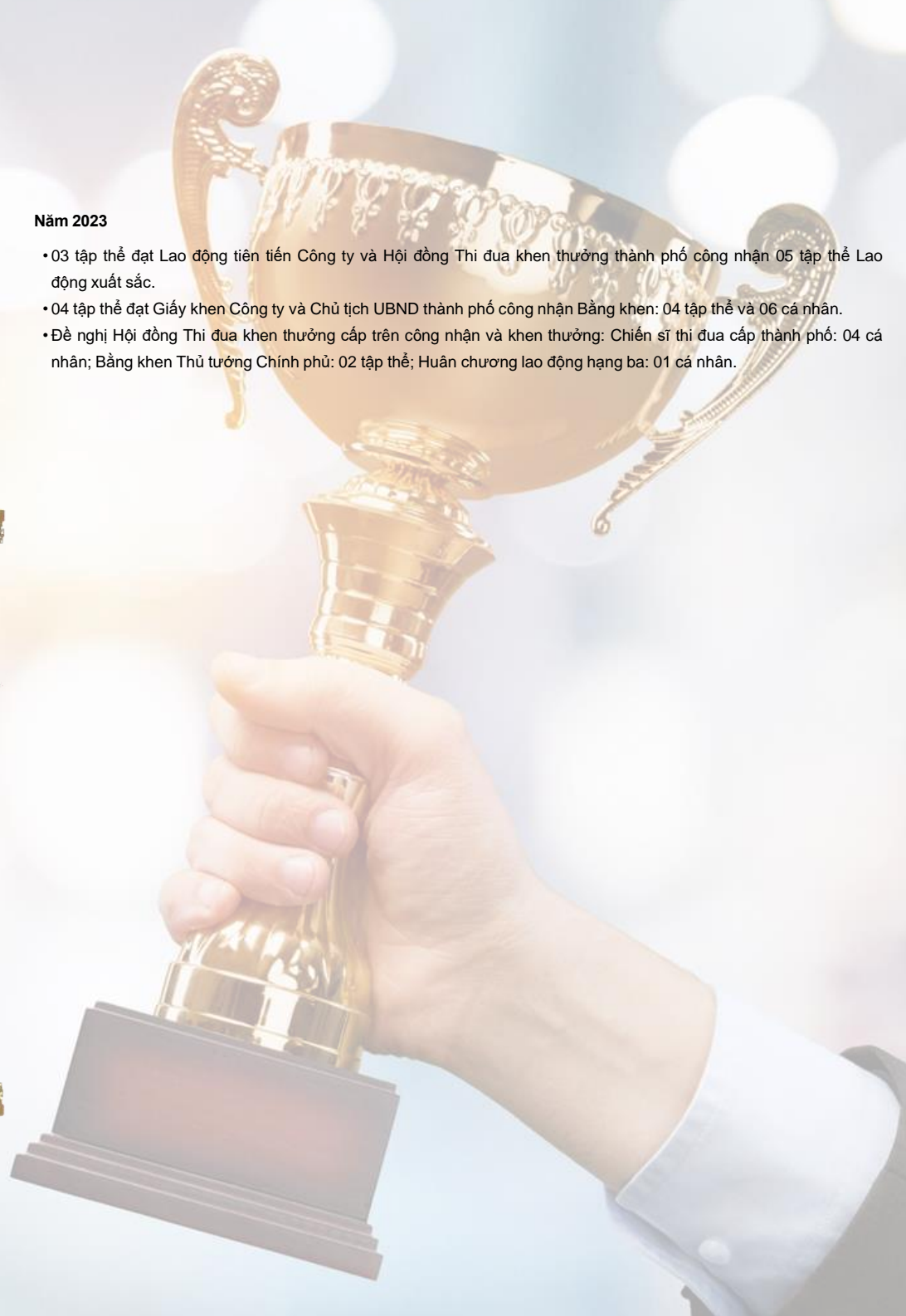
## Các giải thưởng tiêu biểu

### Năm 2022

- 03 tập thể đạt Lao động tiên tiến và Hội đồng Thi đua khen thưởng thành phố công nhận 05 tập thể Lao động xuất sắc (Công ty và 04 đơn vị trực thuộc).
- 07 tập thể đạt Giấy khen Công ty và Hội đồng Thi đua khen thưởng thành phố công nhận Bằng khen: 01 tập thể và 03 cá nhân.
- 01 cá nhân đạt chiến sĩ thi đua cấp Thành phố; 01 Bằng khen cấp Thành phố; và 01 Bằng khen Thủ tướng.

### Năm 2023

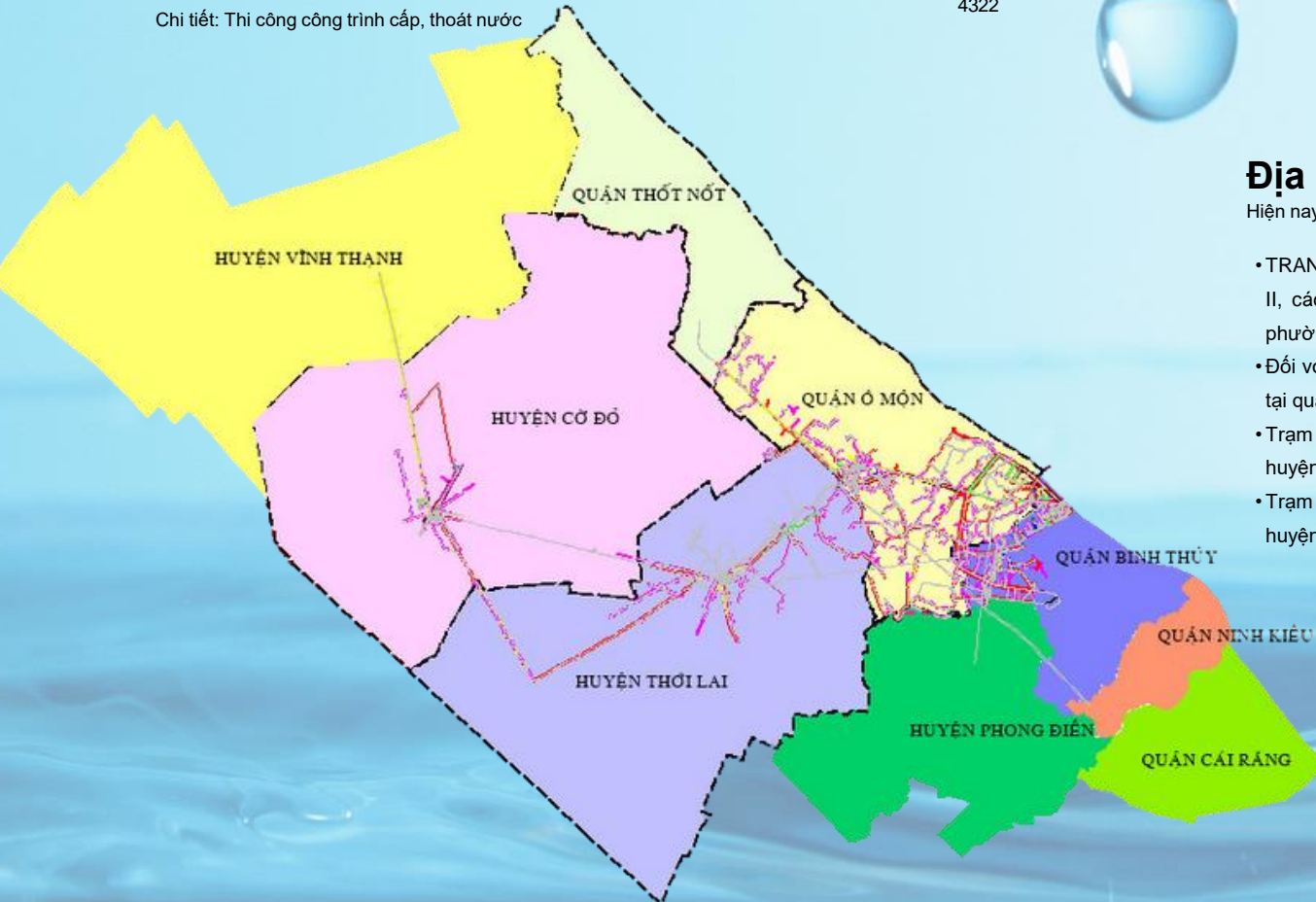
- 03 tập thể đạt Lao động tiên tiến Công ty và Hội đồng Thi đua khen thưởng thành phố công nhận 05 tập thể Lao động xuất sắc.
- 04 tập thể đạt Giấy khen Công ty và Chủ tịch UBND thành phố công nhận Bằng khen: 04 tập thể và 06 cá nhân.
- Đề nghị Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trên công nhận và khen thưởng: Chiến sĩ thi đua cấp thành phố: 04 cá nhân; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ: 02 tập thể; Huân chương lao động hạng ba: 01 cá nhân.



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Ngành nghề kinh doanh

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: sản xuất nước sinh hoạt, kinh doanh nước sinh hoạt	3600 (chính)
2	Sản xuất điện Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời (hoạt động phải tuân thủ quy định của pháp luật)	3511
3	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Hoạt động mua bán điện từ năng lượng mặt trời (hoạt động phải tuân thủ quy định của pháp luật)	3512
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Thi công công trình cấp, thoát nước	4322



## Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, Công ty đang cung cấp nước trên các địa phương:

- TRANOC-OMONWACO trực tiếp quản lý cấp nước tại Khu Công nghiệp Trà Nóc I và Trà Nóc II, các phường Trà Nóc và Thới An Đông thuộc quận Bình Thủy, phường Phước Thới và phường Trường Lạc thuộc quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
- Đối với Chi nhánh Cấp nước Ô Môn, hoạt động kinh doanh, khai thác, xử lý và cung cấp nước tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
- Trạm Cấp nước Thới Lai hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý địa bàn cấp nước cho huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.
- Trạm Cấp nước Cờ Đỏ hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý địa bàn cấp nước sạch cho huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

## Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Là công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc

## Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức



## Công ty con, công ty liên kết:

Không có

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



## Các mục tiêu chủ yếu

- Dựa trên tình hình phát triển chung của ngành nước, Công ty đặt ra mục tiêu kế hoạch mới nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội Đồng cổ đông đề ra và đảm bảo lợi nhuận mục tiêu cho năm 2023. Để đạt được những chỉ tiêu đã đề ra, Công ty luôn chăm sóc và duy trì khách hàng cũ, tìm kiếm, mở rộng khách hàng mới, đưa sản phẩm đến gần hơn với khách hàng tiềm năng. Theo đó, Công ty luôn không ngừng tập trung mọi nguồn lực để nâng cao năng lực phát triển mạng lưới cấp nước, giữ vững sự ổn định trong sản xuất, đảm bảo chất lượng theo đúng quy chuẩn của Bộ Y tế.
- Không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững và tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông, nâng cao giá trị thương hiệu Công ty... Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, kỹ thuật cao để Công ty ngày càng phát triển,
- Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đẩy mạnh hạn chế tình trạng thất thoát nước theo yêu cầu của Chính phủ đặt ra hàng năm. Định kỳ, Công ty tiến hành rà soát và kiểm tra các đường ống nước để có những biện pháp kịp thời xử lý khi sự cố xảy ra.



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (Tiếp theo)

## Chiến lược phát triển

Theo xu hướng đô thị hóa nhanh, công nghệ phát triển, nhu cầu khách hàng ngày càng cao. Điều đó đòi hỏi Công ty phải không ngừng thay đổi, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ để từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng phục vụ, đem lại sự hài lòng cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm của công ty.

### • Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty luôn đặt tiêu chí chăm sóc khách hàng lên hàng đầu, niềm tin của khách hàng là yếu tố chủ chốt giúp Công ty đứng vững trên thị trường. Để đáp ứng được điều đó, Công ty luôn bám sát theo nhu cầu của khách hàng, không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm bằng các trang thiết bị hiện đại có tính năng ưu việt. Bên cạnh đó, Công ty thấu hiểu được nhu cầu thanh toán của khách hàng ở thời đại 4.0 như hiện nay, theo đó ứng dụng những công nghệ mới để giải quyết nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt, mang đến cho khách hàng sự nhanh chóng và tiện lợi. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên kiểm tra, vệ sinh và tu bổ sửa chữa hệ thống các thiết bị, máy móc nhằm đảm bảo chất lượng và khối lượng nước đạt quy chuẩn đáp ứng cho nhu cầu sử dụng của khách hàng, tạo niềm tin để khách hàng gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn nỗ lực trong việc phối hợp với các đơn vị quản lý trên địa bàn để thực hiện công tác xả tuyến định kỳ nhằm cung cấp chất lượng tốt nhất cho khách hàng.

### • Về lao động

Công ty luôn tích cực tuyển dụng, tìm kiếm nhân viên có năng lực, chất lượng chuyên môn tốt, kỹ sư chuyên ngành nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty, từng bước xây dựng phát triển Công ty và hướng đến việc xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi. Ngoài ra, Công ty luôn tạo điều kiện để cải thiện đời sống, môi trường làm việc và thu nhập cho người lao động. Người lao động của Công ty sẽ được tham gia vào các khóa huấn luyện để nâng cao kỹ năng chuyên môn cũng như là kỹ năng phát triển bản thân và tham gia đánh giá hiệu quả lao động nhằm cải thiện chất lượng lao động, cũng như có chế độ đào tạo phù hợp. Bên cạnh các khoản lương, thưởng, Công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn. Người lao động được trang bị đồ bảo hộ lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Những dịp lễ đặc biệt như Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, ngày lễ 1/6, ... Công ty tặng quà cho con của Cán bộ người lao động và tổ chức các chuyến tham quan du lịch. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty không chỉ tạo điều kiện tốt để người lao động có việc làm mà còn chăm lo về tinh thần của người lao động.

## Các mục tiêu phát triển bền vững

Với mục tiêu hoạt động là phát triển bền vững, Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. TRANOC-OMONWACO luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của Công ty. Sau đây là các mục tiêu cụ thể của Công ty đối với môi trường và xã hội:

- Trong năm Công ty được UBND Thành phố Cần Thơ phê duyệt hỗ trợ kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ: “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ điện tử cảm biến quản lý hệ thống mạng lưới các tuyến ống cấp nước và giám sát chất lượng nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn”. Đang triển khai, được Nhà nước hỗ trợ 30%.
- Khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ môi trường nước nhằm đảm bảo nguồn cung nước sạch, có chất lượng đến người dân trên địa bàn quản lý. Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo lợi nhuận mục tiêu cho năm 2024.
- Để có thể xây dựng niềm tin và duy trì sự gắn bó lâu dài của khách hàng, Công ty đã thực hiện báo cáo giám sát môi trường định kỳ. Đối với TOW, việc duy trì bảo vệ và tái tạo môi trường luôn là ưu tiên hàng đầu. Theo đó, Công ty lấy công tác phòng chống ô nhiễm môi trường làm phương châm hành động. Nhằm đạt được hiệu quả lao động tốt nhất, Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường lao động an toàn và hiệu quả, quan tâm đến những nguyện vọng, ý kiến đóng góp của người lao động.
- Người lao động luôn được chăm sóc sức khỏe định kỳ, tham gia các buổi giao lưu văn nghệ, thể thao, nhằm kết nối và nâng cao tinh thần của đội ngũ cán bộ lao động. Trong quá trình hoạt động, Công ty tích cực tham gia vào đóng góp cho xã hội và cộng đồng. Tại địa phương, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ khắc phục thiên tai lũ lụt, bệnh dịch cây trồng... Đồng thời, Công ty cũng lắp đặt đồng hồ đo nước miễn phí cho hộ nghèo, giảm 50% chi phí đầu nối cho hộ cận nghèo và các gia đình chính sách. Đội ngũ lao động của Công ty luôn được tuyên truyền về ý thức cống hiến cho xã hội như: đóng góp quỹ tấm lòng vàng, hiến máu nhân đạo... nhằm góp phần xây dựng cộng đồng ngày càng phát triển và tốt đẹp hơn. Công ty luôn phối hợp tốt với Phòng an ninh kinh tế - Công an TP. Cần Thơ để giữ gìn an ninh trật tự xã hội, xây dựng Công ty “Không tội phạm, không ma túy, không mại dâm”, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập thể Công ty cam kết chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật nhà nước.

# CÁC RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Bối cảnh, tình hình thế giới năm 2023 có nhiều biến động lớn trên hầu hết các mặt kinh tế, xã hội, chính trị, có tác động, ảnh hưởng đến sự phát triển của các nước trên thế giới. Kinh tế thế giới đều có mức tăng trưởng thấp, lạm phát vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt. Xung đột quân sự giữa các nước phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... làm ảnh hưởng nặng nề hơn đến mọi mặt đời sống, kinh tế. Việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và thành phố Cần Thơ nói riêng cũng ảnh hưởng bởi tình hình chung và ngày càng gia tăng. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng của năm 2023 là thách thức rất lớn. Theo báo cáo của Cục Thống kê thành phố Cần Thơ cho biết, tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố Cần Thơ (GRDP) năm 2023 tăng 5,75% so với cùng kỳ năm trước, mục dù mức tăng không cao, chưa đạt được kế hoạch mà thành phố đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức, những kết quả đạt được thể hiện được sự nỗ lực của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cấp, các ngành, địa phương cùng với sự đồng thuận, ủng hộ và tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp.



## Rủi ro lãi suất

Công ty thực hiện những khoản vay và đầu tư tài chính tại ngân hàng nên biến động lãi suất là yếu tố Công ty luôn quan tâm. Khi lãi suất biến động có thể ảnh hưởng đến các khoản tiền trả lãi vay, gây ảnh hưởng đến nguồn tài chính của Công ty. Do đó, Công ty luôn theo dõi và quan sát biến động lãi suất trên thị trường, từ đó có những giải pháp nhằm duy trì mức lãi suất phù hợp cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của Công ty.



## Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự tác động của các bộ luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp lý liên quan. Ngoài ra, với đặc thù của Công ty hoạt động trong ngành cấp nước, những thay đổi về Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động trong công tác nghiên cứu, cập nhật nhanh chóng các quy định pháp lý, những thay đổi về các bộ luật để vận dụng phù hợp, hạn chế những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.



## Rủi ro đặc thù

### Rủi ro thất thoát nước

Hoạt động cung cấp nước sạch thông qua hệ thống mạng lưới ống cấp nước ngầm dưới đất của Công ty tiềm ẩn rủi ro lớn là thất thoát nước nên công tác tìm kiếm rò rỉ rất khó khăn. Thất thoát nước tại các đơn vị cấp nước thường do kỹ thuật như rò rỉ trên mạng lưới tuyến ống cấp nước, thi công không đúng kỹ thuật, vỡ ống do đào đường, sử dụng nước bất hợp pháp... Nhận thức được vấn đề này, Công ty luôn tìm nhiều giải pháp để hạn chế những rủi ro có thể xảy ra bằng cách nâng cao chuyên môn đội ngũ nhân viên kỹ thuật, định kỳ kiểm tra chất lượng hệ thống ống nước... Đồng thời, Công ty cũng chú trọng đến việc áp dụng nhiều giải pháp quản lý nước thông minh ứng dụng máy đọc chỉ số thông minh, công nghệ giám sát online (đồng hồ nước và các DMI)...

### Rủi ro về chất lượng nguồn nước

Ngành cung cấp nước chịu ảnh hưởng lớn từ môi trường tự nhiên. Những vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay lại là bài toán khó cho xã hội. Tình trạng ô nhiễm kéo dài có thể gây ảnh hưởng lên nguồn nước, công tác xử lý nước và đời sống của con người, cũng gián tiếp có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty đã đầu tư hệ thống giám sát trực tuyến nước sông, nước sạch, cải tạo công nghệ lắng, lọc nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước.

Ngoài ra Công ty luôn đề cao tinh thần trách nhiệm đối với vấn đề phát triển bền vững, khai thác nguồn nước hợp lý để bảo vệ tài nguyên nước cho tương lai.

### Rủi ro về giá

Ngành cung cấp nước đặc thù là ngành dịch vụ công ích, chịu sự kiểm soát giá nước đầu ra của Nhà nước. Do đó giá bán nước sạch do UBND thành phố Cần Thơ ban hành dựa theo các quy định về tính giá, Công ty không thể chủ động điều chỉnh do vậy một khi có sự biến động lớn các yếu tố sản xuất đầu vào như giá điện, vật tư, nguyên vật liệu, nhân công... sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty. Vì vậy, Công ty cần kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ thất thoát nước, chi phí nguyên vật liệu sản xuất, chi phí quản lý, chi phí đầu tư và chi phí vận hành hệ thống mạng lưới ống phân phối để hạn chế rủi ro về giá cũng như nguy cơ tăng chi phí.

### Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro đã được liệt kê, thì biến động về tình hình chính trị, xã hội, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh cũng có thể gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, đối với những rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra, Công ty luôn chuẩn bị những kế hoạch đề phòng và những giải pháp để ứng phó kịp thời, đảm bảo hạn chế mức thiệt hại tối đa cũng như bảo vệ được con người, tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn... Thực hiện mua các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.





## 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
Tổ chức và nhân sự	14
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	20
Tình hình tài chính	20
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	22
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	23

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Năm 2023/2022
1	Sản lượng (m <sup>3</sup> )	9.167.841	9.722.792	106,05%
2	Doanh thu thuần	69.133,86	73.335,30	106,08%
3	Giá vốn hàng bán	35.869,83	38.407,83	107,08%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.306,92	23.288,66	104,40%
5	Lợi nhuận sau thuế	15.458,97	18.502,99	119,69%

Ghi chú:

- Năm 2021: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa với mức thuế suất 10%.
- Năm 2022: Công ty thực hiện điều chỉnh bổ sung tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo mức thuế suất thuế TNDN cho năm 2021 là 20%

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty áp dụng cho năm 2023 là 20%.

## Cơ cấu doanh thu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% Năm 2023/2022
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu sản xuất nước	66.698	96,48%	70.515	96,15%	105,72%
2	Doanh thu lắp đặt, công trình, chuyên nhượng vật tư	2.435	3,52%	2.820	3,85%	115,81%
	Tổng cộng	69.133	100%	73.335	100%	106,08%

Năm 2023, mặc dù tình hình kinh tế còn phức tạp, nhưng nhờ sự cố gắng từ các cấp lãnh đạo đến người lao động, nên kết quả kinh doanh đạt được khá khả quan. Cụ thể, khoản doanh thu thuần năm 2023 đạt 73.335 triệu đồng, tương đương 106,08% so với thực hiện năm trước. Trong đó, nguồn doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất nước, chiếm 96,15% doanh thu thuần. Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán tăng 2.538 triệu đồng, tương ứng tăng 7,08% so với năm 2022. Theo đó, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 981,74 triệu đồng, tương ứng tăng 4,4% so với năm trước và lợi nhuận sau thuế tăng 3.044 triệu đồng, tương ứng giảm 19,69% so với năm trước do năm 2022 Công ty điều chỉnh thuế suất thuế TNDN từ 10% lên 20%. Với số tiền 2.115 triệu đồng.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu cá nhân	Số lượng CP đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cá nhân	Tỷ lệ đại diện sở hữu
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	-	2.872.254	-	36%
2	Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT	-	2.347.270	-	29,42%
3	Bà Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT	187.200	-	2,35%	-
4	Ông Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT, Giám đốc	89.161	-	1,12%	-
5	Ông Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	21.537	-	0,27%	-



## Lý lịch Hội đồng quản trị

### Ông Nguyễn Hữu Lộc - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 25/12/1964

Quê quán: Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất &  
Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Thốt Nốt, Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ.

Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu CTCP Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ: 2.872.254 cổ phần, chiếm 36% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023 của những người có liên quan:

- Hồ Thị Quý Mão (Vợ) nắm giữ 406.258 cổ phần, chiếm 5,09% vốn điều lệ
- Nguyễn Thị Nguyệt Quế (Con) nắm giữ 55.466 cổ phần, chiếm 0,69% vốn điều lệ

### Ông Nguyễn Minh Phương - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 02/9/1974

Quê quán: Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ.

Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu CTCP Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ: 2.347.270 cổ phần, chiếm 29,42% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Lý lịch Hội đồng quản trị

### Ông Huỳnh Minh Trung - Thành viên HĐQT, Giám Đốc

Năm sinh: 21/01/1976  
Quê quán: Kiên Giang  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Khoa học môi trường

#### Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 89.161 cổ phần, chiếm 1,12% vốn điều lệ

### Ông Trịnh Công Đoàn - Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc

Năm sinh: 16/8/1982  
Quê quán: Cà Mau  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý môi trường

#### Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 21.537 cổ phần, chiếm 0,27% vốn điều lệ

### Bà Lâm Nguyệt Thành - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 30/7/1976  
Quê quán: Cần Thơ  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ.

#### Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu: 187.200 cổ phần, chiếm 2,35% vốn điều lệ

**Những thay đổi thành viên HĐQT trong năm:** Không có  
**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Ngô Hồng Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
2	Ông Hoàng Văn Khiêm	Thành viên Ban kiểm soát	54.280	0,68%
4	Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	8.181	0,10%

### Lý lịch Ban kiểm soát

#### Bà Ngô Hồng Hạnh - Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 15/01/1978  
Quê quán: Hậu Giang  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ.

Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

#### Ông Hoàng Văn Khiêm - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 11/11/1973  
Quê quán: Nam Định  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Báo chí & Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Biên tập Báo Quân khu 9

Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 54.280 cổ phần, chiếm 0,68% vốn điều lệ

#### Ông Võ Anh Tuấn - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 12/12/1966  
Quê quán: Cần Thơ  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Công tác tại nhà thuốc YHCT số 112 Lê Thị Tạo - Thốt Nốt

Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 8.181 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ

Những thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm: Không có.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT, Giám đốc	89.161	1,12%
2	Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	21.537	0,27%
3	Thái Minh Lực	Phó Giám đốc	11.766	0,15%
4	Lê Thị Thanh Phượng	Kế toán trưởng	37.307	0,47%

#### Ông Huỳnh Minh Trung - Thành viên HĐQT, Giám Đốc

Năm sinh: 21/01/1976  
Quê quán: Kiên Giang  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học môi trường

Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 89.161 cổ phần, chiếm 1,12% vốn điều lệ

#### Ông Trịnh Công Đoàn - Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc

Năm sinh: 16/8/1982  
Quê quán: Cà Mau  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý môi trường

Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 21.537 cổ phần, chiếm 0,27% vốn điều lệ

#### Ông Thái Minh Lực - Phó Giám đốc

Năm sinh: 12/12/1970  
Quê quán: Nghệ An  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 11.766 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ

#### Bà Lê Thị Thanh Phượng - Kế toán trưởng

Năm sinh: 25/7/1978  
Quê quán: Cần Thơ  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 37.307 cổ phần, chiếm 0,47% vốn điều lệ

Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

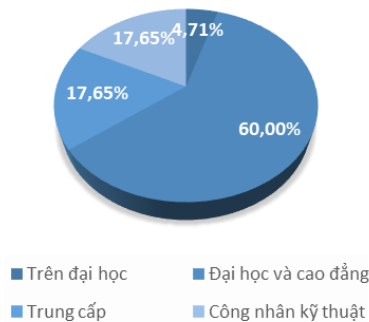


# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (Tiếp theo)

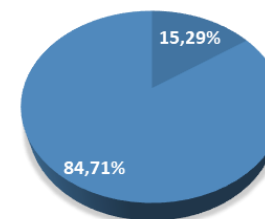
## Số lượng cán bộ, nhân viên

	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ chuyên môn</b>	<b>85</b>	<b>100%</b>
1	Trên đại học	4	4,71%
2	Đại học và cao đẳng	51	60,00%
3	Trung cấp	15	17,65%
4	Công nhân kỹ thuật	15	17,65%
5	Lao động phổ thông	0	0,00%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>85</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1-3 năm)	13	15,29%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	72	84,71%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,00%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>85</b>	<b>100%</b>
1	Nam	72	84,71%
2	Nữ	13	15,29%

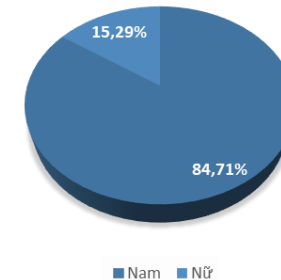
THEO TRÌNH ĐỘ



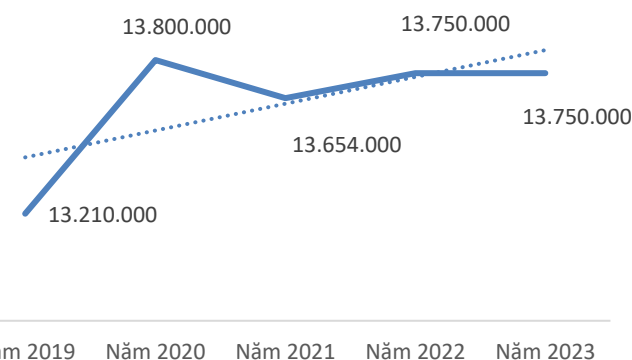
THEO TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG



THEO GIỚI TÍNH



THU NHẬP BÌNH QUÂN GIAI ĐOẠN 2019 - 2023

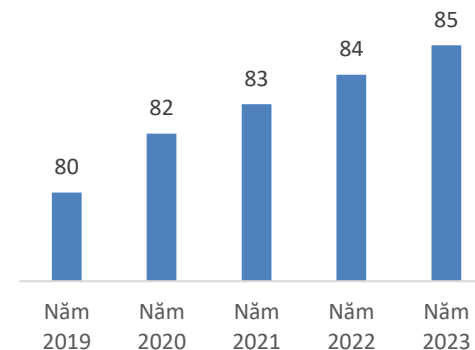


## Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số người lao động (người)	80	82	83	84	85
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.210.000	13.800.000	13.654.000	13.750.000	13.750.000

Tính đến thời điểm năm 2023, Tổng số Người lao động của Công ty là 85 người, tăng 05 người so với năm 2019. Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 là 13.750.000đ/người/tháng tăng 540.000đ/người/tháng So với năm 2019. Trong năm 2023 bối cảnh nền kinh tế vẫn suy thoái, thu nhập bình quân của người lao động vẫn duy trì, cho thấy chính sách phúc lợi của Công ty vẫn ổn định.

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (Tiếp theo)

## Chính sách nhân sự

Các chính sách nhân sự về đào tạo, tuyển dụng và chế độ lương, đãi ngộ của Công ty luôn tuân theo đúng quy định của Luật Lao động cũng như quy định của Công ty đặt ra nhằm đảm bảo mọi quyền lợi của người lao động trong quá trình công tác tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn.

### Chính sách lương thưởng



Đội ngũ lao động sẽ được hưởng đầy đủ chính sách, lương, thưởng, các các khoản phúc lợi, đãi ngộ theo đúng quy chế lương nội bộ công ty và phù hợp đúng quy định pháp luật khi trở thành thành viên của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn. Người lao động được tham gia đầy đủ bảo hiểm theo quy định như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, giúp người lao động an tâm khi rủi ro bất ngờ xảy ra. Ngoài khoản thanh toán từ phía bảo hiểm, Công ty cũng có những khoản Hỗ trợ thu nhập khi cán bộ nhân viên nghỉ thai sản.

Đối với những cán bộ nhân viên đi công tác thì Công ty sẽ Hỗ trợ phụ cấp chi phí ăn ở, đi lại,... Bên cạnh đó, Công ty sẽ tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động mỗi năm một lần. Khi nghỉ hưu sẽ nhận được hỗ trợ từ quỹ hưu trí của Công ty, giúp một phần ổn định được cuộc sống khi hết tuổi lao động. Vào những dịp lễ đặc biệt, Công ty tổ chức các buổi tham quan du lịch, vui chơi để người lao động có thể giải trí tinh thần sau khoảng thời làm việc vất vả. Quỹ thưởng của công ty phụ thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm. Mức thưởng cho cán bộ người lao động phụ thuộc vào tính chất công việc và mức độ hoàn thành công việc.

### Môi trường làm việc

Bên cạnh các vấn đề về chính sách đãi ngộ thì môi trường làm việc đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển sự nghiệp của mỗi người. Công ty luôn tạo điều kiện học tập tốt nhất để các nhân viên làm việc trong môi trường lành mạnh, năng động, có cơ hội phát huy năng lực của bản thân. Người lao động sẽ được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc. Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc tốt, hỗ trợ tối đa đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình thực hiện công tác tạo được tinh thần làm việc nhóm, sự tương tác giúp gắn kết các thành viên với nhau.



### Chính sách tuyển dụng và đào tạo

#### • Về tuyển dụng

Công tác tuyển dụng có vai trò quan trọng, tiên quyết trong việc đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực của Công ty. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, kế hoạch hoạt động mà Công ty sẽ đưa ra những kế hoạch tuyển dụng thích hợp. Các yêu cầu tuyển dụng của Công ty sẽ được đăng trên website Công ty và các trang thông tin điện tử khác. Quá trình tuyển dụng diễn ra đảm bảo công bằng, bình đẳng với mọi đối tượng. Các ứng viên tham gia ứng tuyển trở thành nhân viên của Công ty sẽ có thời gian thử việc để làm quen với công việc mới.



#### • Về đào tạo

Công ty luôn xây dựng rõ lộ trình đào tạo cho người lao động đảm bảo các kế hoạch phát triển nhân viên ở từng giai đoạn. Những thành viên trở thành chủ chốt và gắn bó lâu dài với Công ty sẽ được đào tạo đặc biệt để phát triển năng lực bản thân hơn nữa. Các hình thức đào tạo sẽ được xác định ngay từ đầu đảm bảo đúng mục đích của Công ty cũng như phù hợp năng lực riêng của nhân viên. Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao năng lực làm việc tại Công ty. Sau thời gian được đào tạo và huấn luyện, Công ty thường tổ chức đánh giá dựa trên những tiêu chí mà Công ty lập ra nhằm có thể xác định kế hoạch đào tạo cũng như chính sách lương, thưởng phù hợp.

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## Tình hình thực hiện các dự án

Nhà máy nước Cờ Đỏ: hoàn thành công tác kiểm toán và họp quyết toán công trình với giá trị 23.981.152.509 đồng.  
Nhà máy nước Trà Nóc mở rộng thêm 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: thi công bể chứa 2.500m<sup>3</sup> hoàn thiện 100%, đã tạm trích 80% giá trị để tính khấu hao, đang chờ kết quả kiểm toán; thi công xong ống thông bể, các hạng mục còn lại đang triển khai.  
Công trình mở mạng và cải tạo hệ thống cấp nước: cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng:

+ Tổng đường ống đến ngày 31/12/2023: 658.290 mét; Trong đó:  
++ Ống D150-D600: 136.880 mét.  
++ Ống D49-D114: 521.410 mét.  
+ Quyết toán hình thành tài sản: 9 công trình, giá trị: 13.257.123.233 đồng

Tiến độ thực hiện xây dựng cơ bản

STT	LOẠI ỐNG	KẾ HOẠCH (m)	THỰC HIỆN (m)	SỐ SÁNH (%)
1	Chuyển tải	11.641	3.812	32,75
2	Phân phối	48.683	58.305	119,76
	<b>CỘNG</b>	<b>60.324</b>	<b>62.117</b>	<b>102,97</b>

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	% NĂM 2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	184.358,71	189.193,02	102,62%
2	Doanh thu thuần	69.133,86	73.335,30	106,08%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.306,92	23.288,66	104,40%
4	Lợi nhuận khác	-201,16	-71,76	35,67%
5	Lợi nhuận trước thuế	22.105,76	23.216,90	105,03%
6	Lợi nhuận sau thuế	15.458,97	18.502,99	119,69%

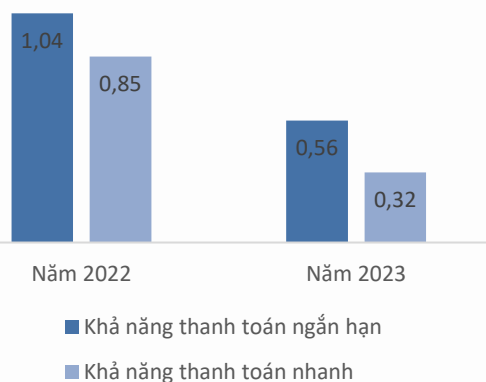
## Các chỉ tiêu tài chính

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022	NĂM 2023
<b>Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	0,56
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,85	0,32
<b>Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	14,44	14,41
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	16,87	16,84
<b>Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,07	9,11
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,38	0,39
<b>Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	22,36	25,23
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,94	11,58
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,54	9,91
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	32,27	31,76

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

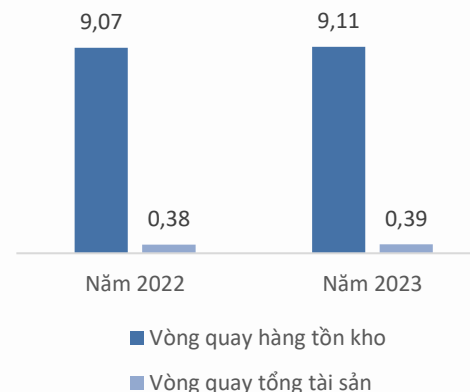
## Khả năng thanh toán

Năm 2023, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2023 đạt 0,56 giảm 0,49 lần so với năm 2022. Hệ số thanh toán nhanh năm 2023 đạt 0,32 lần, thấp hơn so với mức 0,53 lần năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu khiến các hệ số khả năng thanh toán giảm là do nợ ngắn hạn của Công ty tính đến thời điểm cuối năm 2023 giảm 1,79 tỷ đồng, tương đương giảm 8,75% so với năm 2022 và tài sản dài hạn tăng cao, đạt mức 178.813 triệu đồng, tương đương 9,71% so với giá trị năm 2022. Do trong năm Công ty đã tiến hành thi công xây dựng nâng cấp Nhà máy nước Trà Nóc và mở rộng mạng lưới cấp nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng duy trì gửi tiền gửi ngân hàng nhằm tăng hiệu quả sử dụng tài chính. Nhìn chung, năm 2023, Công ty đã thực hiện tốt, duy trì khả năng thanh toán của mình.



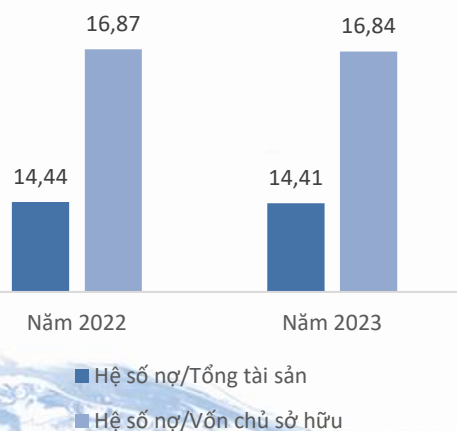
## Năng lực hoạt động

Trong năm 2023 vòng quay hàng tồn kho tăng 9,11 lần so với năm 2022 là 9,07 lần. Điều này cho thấy, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023 tiếp tục đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản năm 2023 đạt 0,39 vòng, tăng nhẹ so với 0,38 vòng năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do tổng tài sản tăng 4.834 triệu đồng, tương ứng tăng 2,62% so với năm 2022, do Công ty đầu tư thêm vào tài sản cố định. Qua đó, có thể thấy Công ty rất chú trọng tăng cường đầu tư để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.



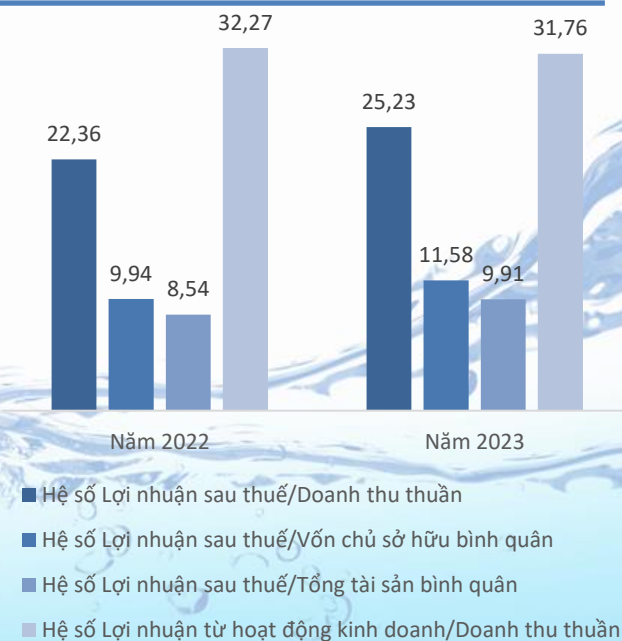
## Cơ cấu vốn

Năm 2023, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty tăng. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 14,41%, và 16,84% so với mức 14,44% và 16,87 năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn giảm nhiều so với năm 2022. Ngoài ra, đây là năm Công ty đầu tư nâng công suất Nhà máy nước Trà Nóc, hoàn thiện bể chứa 2.500 m<sup>3</sup>. Các hệ số này đều nằm ở mức hợp lý, cho thấy Công ty vẫn đảm bảo cơ cấu vốn ổn định, ưu tiên sử dụng nguồn vốn huy động để phục vụ đầu tư dự án. Tuy nhiên, Công ty tận dụng được tối ưu lợi ích mà đòn bẩy tài chính mang lại.



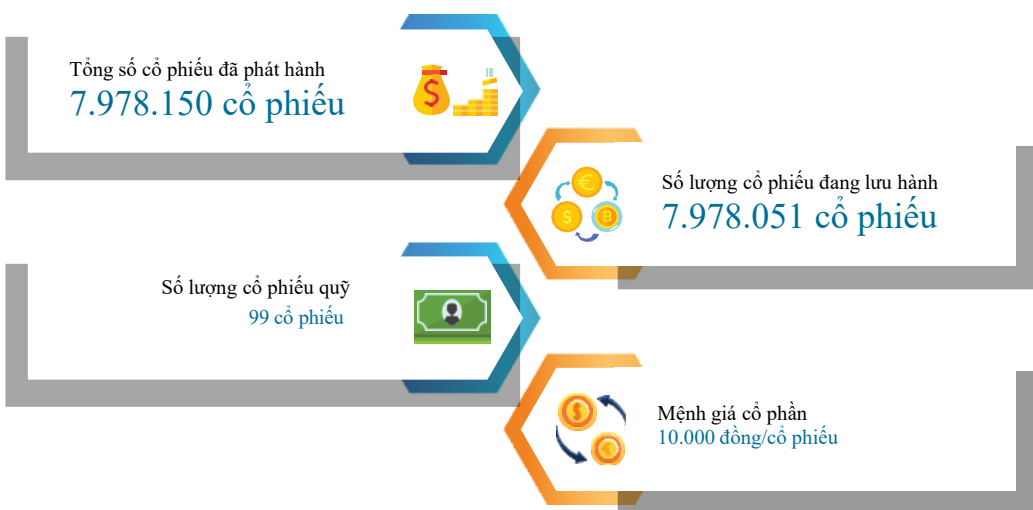
## Khả năng sinh lời

Năm 2023, các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty thay đổi tương đối nhiều so với năm 2022. Cụ thể, ROS đạt mức 25,23% và ROE, ROA lần lượt đạt 11,58% và 9,91%. Lợi nhuận sau thuế đạt 18.502 triệu đồng, tăng 3.044 triệu đồng, tương đương tăng 19,69% so với năm 2022 do trong năm 2022 điều chỉnh thuế suất thuế TNDN năm 2021 từ 10% lên 20% với số tiền là 2.115 triệu đồng. Nhìn chung, Công ty vẫn đảm bảo được khả năng sinh lời hợp lý.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Thông tin cổ phiếu



## Cơ cấu cổ đông (Tại ngày 31/5/2023)

STT	Loại cổ đông	Số Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	208	7.174.250	71.742.500.000	89,92%
1	Cá nhân	206	1.954.627	19.546.270.000	24,50%
2	Tổ chức	2	5.219.623	52.196.230.000	65,42%
III	Cổ đông nước ngoài	9	803.900	8.039.000.000	10,08%
1	Cá nhân	8	130.000	1.300.000.000	1,63%
2	Tổ chức	1	673.900	6.739.000.000	8,45%
Tổng cộng (I+II+III)		217	7.978.150	79.781.500.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

## Danh sách cổ đông lớn (Tại ngày 31/05/2023)

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	5.219.524	65,42%
2	AMERICA LLC	673.900	8,45%
3	Hồ Thị Quý Mão	406.258	5,09%

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ đến ngày 31/3/2023, đạt 100%. Hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ 2021.

**Các chứng khoán khác:** Không có

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Đối với nguồn nguyên liệu quan trọng phục vụ cho quy trình sản xuất nước sạch, Công ty luôn chú trọng trong việc quản lý sao cho hiệu quả. Công ty thường lựa chọn những nguồn nguyên liệu có chất lượng cao, uy tín, đồng thời không gây hại đến môi trường, có thể tái chế và tái sử dụng được. Nguyên liệu đầu vào luôn được Công ty sử dụng đúng mục đích, liều lượng, không lạm dụng hóa chất gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, Công ty cũng đặt ra những quy định về công tác bảo quản hóa chất, yêu cầu người lao động phải tuân thủ. Để công tác quản lý nguyên vật liệu diễn ra chặt chẽ, Công ty thường xuyên kiểm tra lại từ khâu lên kế hoạch mua, quản trị lưu kho cho đến việc phân phối tới các bộ phận sử dụng. Nhờ quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào hiệu quả mà hoạt động sản xuất của Công ty luôn đảm bảo được thực hiện liên tục, theo đúng kế hoạch.

## Tiêu thụ năng lượng

Điện là năng lượng tiêu thụ chủ yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn sử dụng điện một cách hợp lý, phần nào sử dụng tài nguyên quốc gia có hiệu quả đồng thời tiết kiệm được chi phí hoạt động của Công ty.

Công ty đã đưa vào vận hành hệ thống điện mặt trời 160 kWh. Sản lượng cả năm đạt 224.341 kWh tương đương tiết kiệm được 348.850.255 đồng.

## Tiêu thụ nước

Nước đóng vai trò là nguồn nguyên liệu đầu vào đồng thời là sản phẩm đầu ra của Công ty. Công ty sử dụng nguồn nước chủ yếu từ sông Hậu và sông Cần Thơ, thông qua quá trình xử lý nước như xử lý PAC, lắng cặn, lọc nước, khử trùng, ... để sản xuất nguồn nước sạch cung cấp cho sinh hoạt, sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Y Tế QCVN 01-1:2018/BYT.

Nhận thức tầm quan trọng của nước – sản phẩm chính trong việc tạo nên doanh thu, Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn luôn khuyến khích toàn thể nhân viên, người lao động có ý thức tiết kiệm nước, sử dụng hợp lý nguồn nước nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên nước cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

## Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ cũng như các chính sách dành cho người lao động theo đúng quy định của Luật Lao động. Đội ngũ lao động của Công ty luôn được tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm giúp người lao động có thể yên tâm để làm việc. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức thành công Hội nghị Đại biểu Người lao động, thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ và cấp cho người lao động vật dụng bảo hộ nhằm bảo vệ người lao động an toàn trong quá trình lao động. Vào những dịp lễ đặc biệt, Công ty sẽ trích từ nguồn quỹ phúc lợi, thường năng suất để tặng quà cho con cán bộ hay tổ chức các cuộc tham quan du lịch. Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn không chỉ quan tâm đến đời sống, sức khỏe mà còn chăm sóc về mặt tinh thần cho đội ngũ lao động. Từ đó tạo sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và Công ty.

## Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài trách nhiệm đối với nhà đầu tư, người lao động và môi trường thì đóng góp cho cộng đồng, xã hội cũng là sứ mệnh mà Công ty luôn ưu tiên thực hiện.

Hàng năm, Công ty tổ chức công tác xã hội đóng góp cho cộng đồng. Bên cạnh đó, toàn thể cán bộ người lao động được Công ty vận động tham gia các hoạt động thiện nguyện, từ đó giúp nâng cao ý thức của mỗi cá nhân trong việc cống hiến cho cộng đồng góp phần đẩy mạnh sự phát triển chung của xã hội.

Trong năm 2023 Công ty thực hiện các công tác an sinh xã hội:

- Lắp đặt hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách: 76 hộ với số tiền 38.995.368 đồng.
- 100% Cán bộ Người lao động đóng góp quỹ tấm lòng vàng, số tiền: 5.040.000 đồng.
- Tham gia hiến máu nhân đạo: 03 lượt.
- Hỗ trợ tập cho các bé có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Cần Thơ 50.000 quyển với tổng số tiền là 240.000.000 đồng.

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm qua, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Cụ thể, Công ty luôn có các phương án xử lý đối với từng loại chất thải khác nhau.

### Đối với nước thải trong sản xuất

Nước thải được thu gom vào bể lắng bùn. Do thiết kế bể lắng bùn có điện tích tương đối nên nước thải ở đây lắng bùn xuống đáy, lượng nước trong ở trên chảy tràn ra nguồn tiếp nhận. Để đánh giá mức độ ô nhiễm, Công ty tiến hành lấy mẫu định kỳ gửi Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Tp.Cần Thơ phân tích các chỉ tiêu của nước thải theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40/2011. Nhà máy nước Trà Nóc và Nhà máy nước Cờ Đỏ thu hồi toàn bộ nước tuần hoàn vào sản xuất, không thải ra môi trường.

### Đối với nước thải sinh hoạt

Nước thải từ nhà vệ sinh được thu và xử lý trước khi thải vào môi trường tiếp nhận. Tại các nhà máy và trụ sở làm việc đều có các bể tự hoại để xử lý. Đồng thời đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Trà Nóc.

### Đối với khí thải

Hoạt động sản xuất chủ yếu tiêu thụ điện năng nên không thải ra khí thải. Máy phát điện chỉ sử dụng khí mất điện đột xuất hay có thông báo của điện lực, nên nguồn phát sinh khí thải không đáng kể. Máy phát điện khi hoạt động có thải ra khí thải nhưng ống thải khí được bố trí nằm giữa khuôn viên rộng lớn của nhà máy nên không ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu dân cư. Bên cạnh đó, xung quanh nhà máy trồng rất nhiều cây xanh nên khí thải sẽ được xử lý thông qua nhiều lớp cây xanh, Công ty còn lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho máy phát điện.

### Đối với rác thải sinh hoạt

Rác thải của cán bộ, công nhân viên nhà máy được thu gom cho vào các thùng riêng biệt, trong thùng có lót bọc nhằm tránh rơi rớt rác trong quá trình vận chuyển; thùng được để cách xa khu vực làm việc. Hàng ngày có đơn vị thu gom rác đến thu gom tại khu vực nhà máy. Rác thải khác không nguy hại được xử lý đốt trong khuôn viên nhà máy. Bên cạnh đó, nhà máy đã bố trí các thùng rác ở những nơi thường tập kết rác. Hàng ngày, nhân viên của CTCP Đô thị Tp. Cần Thơ đến thu gom và vận chuyển chất thải thông thường của Nhà máy đến bãi rác để xử lý.

Do đặc thù của ngành cấp nước là khai thác, sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt nên chất thải nguy hại gần như không đáng kể, nên không đáng lo ngại. Tuy nhiên, Công ty vẫn có những quy định để xử lý những loại chất thải này. Các chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính nhớt trong quá trình sửa chữa sự cố máy bơm và các bóng đèn huỳnh quang bị hư. Các chất thải này đều tập trung vào một chỗ tại nhà máy, sau đó Công ty hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường xanh thu gom và xử lý.



## 03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	26
Tình hình tài chính	27
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	28
Kế hoạch phát triển trong tương lai	29

# ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Thuận lợi

- » Được sự chỉ đạo kịp thời của Chủ tịch Hội đồng quản trị; kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp của Ban Lãnh đạo Công ty ngay từ đầu năm; sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện của chính quyền địa phương cùng sự nỗ lực của tập thể người lao động đã góp phần cùng Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nội bộ đoàn kết tốt. Phong trào thi đua lao động sản xuất tại Công ty luôn được duy trì và phát huy; các đoàn thể triển khai và thực hiện tốt phong trào thi đua tại các đơn vị...
- » Ban Thi đua khen thưởng thành phố quan tâm chỉ đạo kịp thời công tác thi đua khen thưởng của Khối và của Công ty.
- » Nhu cầu sử dụng nước sạch của các doanh nghiệp và hộ khách hàng tiếp tục ổn định; Công ty đã kết hợp cùng với chính quyền địa phương vận động nhân dân cùng thực hiện mở mạng lưới cấp nước các hẻm nhỏ chưa có nước sạch; nâng cấp, cải tạo mạng lưới.
- » Với lợi thế là doanh nghiệp thực hiện cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cần Thơ, đặc biệt tại Khu Công nghiệp Trà Nóc I và Trà Nóc II, hai khu công nghiệp được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước đi kèm với những chính sách ưu đãi thời gian trước đây.

## Khó khăn

Năm 2023 tình hình thế giới có nhiều biến động lớn trên hầu hết các mặt kinh tế, xã hội, chính trị, có tác động, ảnh hưởng đến sự phát triển của các nước trên thế giới. Kinh tế thế giới đều có mức tăng trưởng thấp, lạm phát vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt. Xung đột quân sự giữa các nước phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... làm ảnh hưởng nặng nề hơn đến mọi mặt đời sống, kinh tế. Một số nhà máy, xí nghiệp, Công ty... Nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu trên địa bàn của Công ty bị ảnh hưởng, do đó ít nhiều ảnh hưởng đến sản lượng nước của Công ty.

## Những tiến bộ Công ty đã đạt được

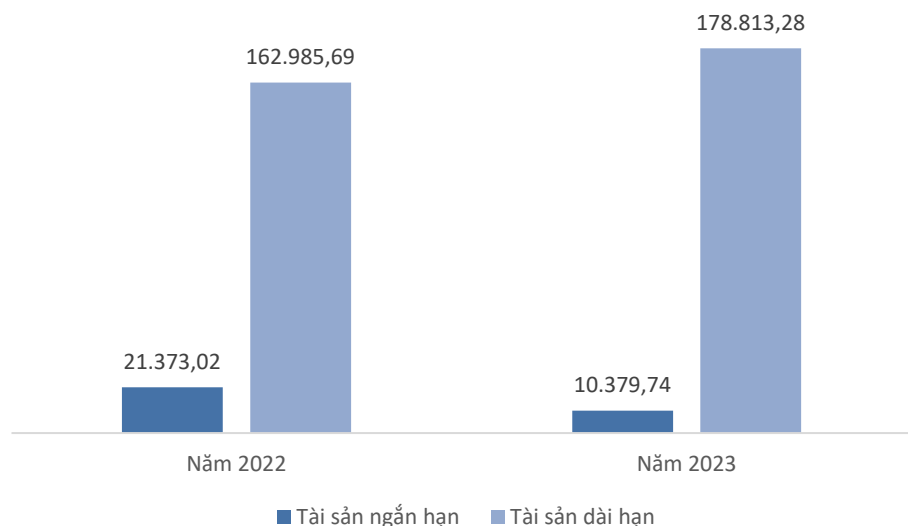
Năm vừa qua, Ban điều hành của Công ty đã đơn giản hóa các quy trình thủ tục hành chính giúp rút ngắn thời gian thực hiện cho cả khách hàng và nhân viên Công ty và nâng cao trải nghiệm của khách hàng khi sử dụng sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã ứng dụng thành công hệ thống thông tin điện tử vào quá trình thu tiền, xuất hóa đơn cho khách hàng giúp đơn giản hóa việc thanh toán tiền nước, mở rộng nhiều kênh thu hộ tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng thanh toán tiền nước. Áp dụng khoa học công nghệ, gắn đồng hồ thông minh theo dõi áp lực và lưu lượng trên mạng lưới. Ngoài ra, Công ty bố trí đội ngũ nhân viên trực tổng đài nhằm hỗ trợ nhanh chóng và kịp thời khi khách hàng gặp khó khăn trong công tác hành chính, cũng như kịp thời hỗ trợ khách hàng khi hệ thống đường ống cấp nước gặp sự cố.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Năm 2023/2022
Tài sản ngắn hạn	21.373,02	10.379,74	48,56%
Tài sản dài hạn	162.985,69	178.813,28	109,71%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>184.358,71</b>	<b>189.193,02</b>	<b>102,62%</b>

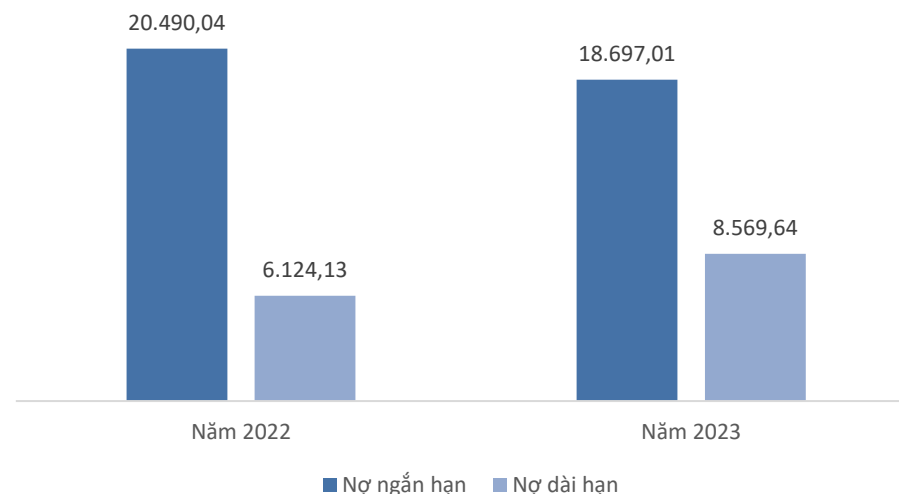


Tính đến thời điểm 31/12/2023, tổng tài sản của Công ty đạt 189.193,02 triệu đồng, tăng nhẹ 4.834,31 triệu đồng, tương ứng tăng 2,62% so với năm 2022. Công ty vẫn duy trì ổn định về mặt cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu 94,51% tổng tài sản. Tại thời điểm cuối năm 2023, tài sản dài hạn tăng và tài sản ngắn hạn giảm, lần lượt ghi nhận ở mức 178.813,28 triệu đồng và 10.379,74 triệu đồng, tương ứng tăng 9,71% và giảm 51,44% so với năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do khoản đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành tăng thêm 29.023 triệu đồng chủ yếu là tài sản dài hạn đầu tư xây dựng mở rộng mạng lưới cấp nước, xây dựng Nhà máy nước Cờ Đỏ với công suất 5.000m<sup>3</sup>/ngđ, bể chứa Nhà máy nước Trà Nóc 2.500m<sup>3</sup>.

## Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Năm 2023/2022
Nợ ngắn hạn	20.490,04	18.697,01	91,25%
Nợ dài hạn	6.124,13	8.569,64	139,93%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>26.614,17</b>	<b>27.266,64</b>	<b>102,45%</b>



Tính đến thời điểm cuối năm 2023, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 27.266,64 triệu đồng, tăng nhẹ 2,45% so với cùng kỳ. Nhìn chung, cơ cấu nợ của Công ty được duy trì ở mức ổn định so với cùng kỳ. Trong đó, tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm 76,69%, tỷ trọng nợ dài hạn chiếm 23,01%.

# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

-Trong năm 2023, Công ty đã ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong đó có việc áp dụng hình thức thanh toán trực tuyến cho hóa đơn tiền nước hàng tháng. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng, người dân quen dần với việc thanh toán qua các kênh thu hộ. Áp dụng ghi thu một lần, đảm bảo tỷ lệ thu và tồn thu theo qui định; kê nộp tiền và đảm bảo tồn quỹ luôn đúng theo qui định chung của Công ty. Hội đồng Khoa học kỹ thuật Công ty phát động hiệu quả phong trào thi đua cải tiến, sáng kiến trong sản xuất kinh doanh.

Kết quả, trong năm Hội đồng Khoa học kỹ thuật Công ty nhất trí công nhận 04 sáng kiến về giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp kỹ thuật và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác sản xuất, chuyên môn nghiệp vụ, tổng giá trị làm lợi: 312 triệu đồng. Đồng thời trình Giám đốc Công ty công nhận và trích thưởng 57,839 triệu đồng.



Đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục. Chất lượng nước luôn đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT; Duy trì vận hành theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.



- Ứng dụng Mapinfo trong quản lý hệ thống cấp nước. Duy trì vận hành hệ thống giám sát chất lượng nước sạch tại các nhà máy và mạng lưới.
- Tiếp tục công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch; dò tìm, phát hiện và khắc phục kịp thời các sự cố ống bể; thực hiện kiểm tra định kỳ 783 hộ khách hàng đã phát hiện 09 vụ vi phạm hợp đồng sử dụng nước, truy thu 383 m<sup>3</sup> với tổng số tiền thu được là 3.318.000 đồng.
- Định kỳ kiểm tra hàng tuần đồng hồ 25 ly trở lên. Thay đồng hồ đo nước đến hạn, mờ số 5.794 cái



Báo cáo thường niên năm 2023

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

## Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
Sản lượng	m <sup>3</sup>	10.000.000
Tổng doanh thu	Triệu đồng	100.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	39.000
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	31.100
Số hộ đầu nối	Hộ	1.800
Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,5
Số lao động bình quân	Người	86



## Kế hoạch đầu tư năm 2024

Dự kiến trong năm 2024, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

- Nâng công suất Nhà máy nước Trà Nóc từ 20.000 m<sup>3</sup>/ngày/đêm lên 30.000 m<sup>3</sup>/ngày/đêm, số tiền 34.400 triệu đồng. (các hạng mục còn lại thực hiện năm 2024 và 2025)
- Mở rộng cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn số tiền là 22.800 triệu đồng.





## 04 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	31
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc	32
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	32

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Về sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023
1	Sản lượng	m3	9.450.000	9.722.792
2	Số hộ đấu nối	Hộ	1.800	2.085
3	Doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	71.500	74.073,22
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.500	23.216,90
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.100	18.502,99
6	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12	11,65

Góp phần vào tăng trưởng của TP. Cần Thơ và Công ty mẹ. Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tỷ lệ thất thoát là 11,65% thấp hơn 0,51% so với năm 2022. Công tác cải tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước được thực hiện kịp thời theo đúng kế hoạch. Các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ, tinh thần làm việc cũng như chất lượng công việc ngày càng nâng cao.

Trong năm, Công ty thường xuyên kiểm tra, vệ sinh, tu bổ sửa chữa máy móc, hệ thống thiết bị, nhằm xử lý kịp thời các sự cố, đảm bảo sản xuất nước liên tục ổn định 24/24, đảm bảo về chất lượng, sản lượng và áp lực nước. Công ty cam kết chất lượng nước luôn đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT, các đơn vị thực hiện công tác xả tuyến định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng nước tốt nhất cho khách hàng, giám sát chất lượng nước online tại các nhà máy, đo đạc môi trường làm việc định kỳ. Đồng thời, Công ty thường xuyên giám sát chất lượng nước bằng hình thức trực tuyến tại nhà máy. Là doanh nghiệp thành lập dựa trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn, Công ty được tích góp bề dày kinh nghiệm hoạt động từ hai Công ty trước hợp nhất trong lĩnh vực dịch vụ công ích. Đối với Công ty, chất lượng sản phẩm luôn là yếu tố quan trọng quyết định sự gắn bó của khách hàng. Do đó, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sự uy tín đối với khách hàng.



## Về xây dựng cơ bản

Đối với các công trình cần thi công, lắp đặt, Công ty luôn giám sát sát sao chất lượng và tiến độ, đảm bảo lắp đặt đúng thời gian quy định. Đồng thời, Công ty lập kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra các tuyến ống, lắp đặt các đồng hồ đo áp theo dõi áp lực trên toàn mạng lưới. Tổng số phân vùng lắp đồng hồ kiểm soát lưu lượng là 70 vùng. Ngoài ra, Công ty kiểm tra đề nghị nâng cấp chụp van bị lắp cát trên toàn mạng lưới. Định kỳ hàng tuần Công ty kiểm tra đồng hồ từ 25 mm trở lên.

## Về ứng dụng khoa học

Công ty đã ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, trong đó có việc áp dụng hình thức thanh toán trực tuyến cho hóa đơn tiền nước hàng tháng. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng quen dần với việc thanh toán trực tuyến cho hóa đơn tiền nước hàng tháng. Hội đồng Khoa học Kỹ thuật Công ty phát động hiệu quả phong trào thi đua cải tiến, sáng kiến trong sản xuất kinh doanh.

## Về thi đua khen thưởng

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công ty triển khai thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả phong trào thi đua của Công ty. Đầu năm, để hưởng ứng phong trào thi đua của thành phố, Ban Giám đốc Công ty đã phát động phong trào thi đua đến cán bộ người lao động trong Hội nghị người lao động, toàn thể cán bộ người lao động đã đăng ký các danh hiệu thi đua. Hội đồng Thi đua khen thưởng Công ty ban hành các văn bản, tổng hợp và đăng ký về Ban thi đua khen thưởng thành phố. Công tác thi đua - khen thưởng của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn tiếp tục có sự đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp thực hiện và đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo cơ sở cho việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Trên cơ sở các kế hoạch đã giao, hàng quý Công ty tổ chức họp sơ kết, xét khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ và phong trào. Rút ra những bài học kinh nghiệm và đề xuất những giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Các phong trào thi đua cụ thể của năm như: thi đua năm, đề tài sáng kiến và giải pháp ứng dụng khoa học kỹ thuật...

Trong năm Công ty được Hội đồng Thi đua khen thưởng thành phố công nhận 05 tập thể Lao động xuất sắc và được Chủ tịch UBND thành phố công nhận Bằng khen cho 04 tập thể và 06 cá nhân.

## Về công tác an sinh xã hội

Công ty thực hiện lắp đặt đồng hồ nước miễn phí cho hộ nghèo, giảm giá 50% chi phí đấu nối cho hộ cận nghèo và gia đình chính sách. Trong năm 2023, Công ty đã lắp đặt cho 76 hộ, số tiền 38,995 triệu đồng, ngoài ra có 03 lượt tham gia hiến máu nhân đạo. Hỗ trợ 50.000 quyển tập với tổng số tiền là 240 triệu đồng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kết thúc năm 2023, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát các công tác điều hành quản lý, chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc để thực hiện kịp thời tiến độ kinh doanh. Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc thực hiện tốt trách nhiệm, vai trò của mình theo đúng quy định pháp luật Điều lệ Công ty, và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Ban Giám đốc không ngừng nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị giao. Bên cạnh đó, căn cứ theo tình hình thực tế, Ban Giám đốc kịp thời đưa ra các phương hướng sản xuất kinh doanh phù hợp, điều hành Công ty phát triển. Ban Giám đốc đã có những tham mưu tốt cho Hội đồng quản trị trong các công tác tổ chức nhân sự, quản trị, công tác đầu tư, quản lý tài chính thông qua những giải pháp điều hành các mặt của hoạt động kinh doanh thường niên, đảm bảo được sự phù hợp và kịp thời. Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò và năng lực của Ban Giám đốc thể hiện trong năm qua khi dẫn dắt tập thể cán bộ người lao động Công ty thực hiện được các mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

» Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty.

» Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, tỷ lệ thất thoát cao.



» Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân.

» Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động Công ty nhằm tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu





## 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	34
Ban Kiểm soát	37
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	38

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Danh sách Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu cá nhân	Số lượng CP đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cá nhân	Tỷ lệ đại diện sở hữu
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	-	2.872.254	-	36%
2	Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT	-	2.347.270	-	29,42%
3	Bà Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT	187.200	-	2,35%	-
4	Ông Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT, Giám đốc	89.161	-	1,12%	-
5	Ông Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	21.537	-	0,27%	-

## Công ty không có tiểu ban trong Hội đồng quản trị

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm quản lý của mình, hoạt động theo đúng chức năng, phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- HĐQT đã tổ chức các buổi họp thường kỳ bằng hình thức tập trung và đảm bảo đầy đủ thành phần và phần trăm tham dự, cũng như đạt chất lượng về nội dung và thời gian; và họp bất thường.
- Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành đúng trình tự thủ tục tuân thủ thẩm quyền và nội dung định hướng sát với tình hình phát triển thực tế của Công ty.

## Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 04 (bốn) cuộc họp HĐQT. Các thành viên HĐQT đã tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT và biểu quyết cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	4/4	100%	-
2	Ông Huỳnh Minh Trung	4/4	100%	-
3	Ông Trịnh Công Đoàn	4/4	100%	-
4	Bà Lâm Nguyệt Thanh	4/4	100%	-
5	Ông Nguyễn Minh Phương	3/4	75%	Đi công tác

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Hội đồng quản trị đã tổ chức phiên họp, trong đó có 04 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	30/01/2023	Nghị quyết HĐQT ủy quyền cho BDH ký các hợp đồng giao dịch nội bộ và người có liên quan	100%
2	02/NQ-HĐQT	30/01/2023	Nghị quyết HĐQT quý IV năm 2022	100%
3	03/NQ-HĐQT	06/4/2023	Nghị quyết HĐQT quý I năm 2023	100%
4	04/NQ-HĐQT	06/4/2023	Nghị quyết thông qua việc vay vốn và bảo đảm cấp tín dụng tại Vietinbank	100%
5	05/NQ-HĐQT	25/7/2023	Nghị quyết HĐQT quý II năm 2023	100%
6	05a/NQ-HĐQT	25/7/2023	Nghị quyết thông qua phương án chuyển nhượng tài sản - công trình tuyến ống cấp nước an toàn huyện Cờ Đỏ - Vĩnh Thạnh với Cty CP Cấp nước Thốt Nốt	100%
7	05b/NQ-HĐQT	25/7/2023	Nghị quyết thông qua phương án cung cấp nước qua đồng hồ tổng với Cty CP Cấp nước Thốt Nốt	100%
8	06/NQ-HĐQT	26/9/2023	Nghị quyết thực hiện dự án nghiên cứu ứng dụng công nghệ điện tử	100%
9	07/NQ-HĐQT	27/10/2023	Nghị quyết HĐQT quý III năm 2023	100%

**Công ty không có các thành viên HĐQT độc lập.**

## Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, Người quản trị công ty và Thư ký công ty tham dự Hội nghị trực tuyến do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) phối hợp tổ chức ngày 21/6/2023 về “Lưu ý về các sai phạm liên quan đến tính tuân thủ pháp luật chứng khoán phát hiện qua quá trình kiểm tra, giám sát; các sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty đại chúng, công ty niêm yết” và Tham dự tập huấn “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chứng khoán và TTCK cho các chủ thể hoạt động trên TTCK”.



# BAN KIỂM SOÁT

## Hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HDQT), các cuộc họp điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và trong công tác kế toán của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí và chất lượng nước sinh hoạt và khối lượng nước tiêu thụ.
- Thực hiện công tác thẩm định các Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán của năm.
- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của HDQT và của Giám đốc trong việc thực hiện pháp luật Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Giám sát, kiểm tra việc công bố thông tin cho các cơ quan chức năng của Công ty phải kịp thời, đầy đủ và trung thực theo quy định pháp luật.
- Giữ mối liên lạc trong BKS, giữa BKS với HDQT và Ban Giám đốc.

## Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Ngô Hồng Hạnh	4/4	100%	100%	-
2	Ông Hoàng Văn Khiêm	4/4	100%	100%	-
3	Ông Võ Anh Tuấn	4/4	100%	100%	-

## Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông

Trong năm 2023, giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông đã duy trì tốt mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ và tuân thủ Điều lệ, các quy định của pháp luật dựa trên nguyên tắc đảm bảo vì lợi ích của cổ đông. Hội đồng quản trị đã kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để giám sát kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty nhằm đóng góp ý kiến với Giám đốc cùng Ban điều hành, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết đã đề ra. Với tư cách là giám sát viên và đại diện của cổ đông, các thành viên Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thông qua đó, Ban kiểm soát có cơ hội trao đổi, thảo luận trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông.

**Những thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm: Không có.**

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	129.960.000
2	Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	84.350.000
3	Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	84.350.000
4	Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT	73.030.000
5	Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT	84.350.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
1	Ngô Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	435.567.614
2	Hoàng Văn Khiêm	Thành viên Ban kiểm soát	62.490.000
3	Võ Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	65.570.000
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>		
1	Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	439.337.614
2	Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	407.787.614
3	Thái Minh Lực	Phó Giám Đốc	410.112.614
4	Lê Thị Thanh Phương	Kế toán trưởng	378.562.614

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan với người nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số Cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Huỳnh Minh Trung (Thành viên HĐQT, Giám đốc)		84.761	1,06%	89.161	1,12%	Mua & bán
2	Ông Trịnh Công Đoàn (Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc)		13.737	0,17%	21.537	0,27%	Mua
3	Bà Nguyễn Thị Nguyệt Quế	Ông Nguyễn Hữu Lộc (Chủ tịch HĐQT)	0	0%	55.466	0,69%	Mua
4	Ông Trần Quang Anh Tuấn (Trợ lý Thư ký)		13.666	0,17%	0	0%	Bán
5	Bà Khưu Thị Ngân Huỳnh	Ông Trần Quang Anh Tuấn (Trợ lý Thư ký, Thời điểm không còn là người có liên quan ngày 04/7/2023)	41.800	0,52%	0	0%	Bán
6	Ông Thái Văn Hồng	Ông Thái Minh Lực (Phó Giám đốc Công ty)	2.500	0,03%	0	0%	Bán

Ghi chú: Số liệu được lấy tính đến thời điểm 31/12/2023

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

### Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Nội dung	Tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Công ty mẹ	Mua hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ	34,702
2	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thốt Nốt	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp nước qua đồng hồ tổng và chuyển nhượng tài sản	171,708

### Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng trên thị trường chứng khoán.. Công ty đã có sự chuẩn bị tốt cho ĐHCĐ 2023 và họp Hội đồng quản trị hàng quý và bất thường theo qui định.





## 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	41
Báo cáo tài chính được kiểm toán	42





Số: B0623242-R/MOORE AISC-DNS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Văn Tuyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0111-2023-005-1

Nguyễn Như Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 5444-2020-005-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.379.735.794</b>	<b>21.373.022.652</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.864.122.287</b>	<b>8.297.977.891</b>
1. Tiền	111		1.864.122.287	1.297.977.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	7.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.800.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.800.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.506.022.714</b>	<b>5.124.736.746</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	1.349.381.996	1.132.556.863
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	258.803.630	2.673.729.466
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.577.278.307	1.896.565.113
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2	(679.441.219)	(578.114.696)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>4.410.095.195</b>	<b>4.020.368.015</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.506.292.765	4.200.310.546
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(96.197.570)	(179.942.531)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>599.495.598</b>	<b>1.129.940.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	317.314.887	667.947.006
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		282.180.711	461.992.994
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 5

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>178.813.284.912</b>	<b>162.985.685.626</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.229.639.170</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	1.727.641.070	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	501.998.100	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>154.326.766.271</b>	<b>144.892.134.614</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	154.326.766.271	144.892.134.614
- Nguyên giá	222		249.963.343.464	228.965.865.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.636.577.193)	(84.073.731.332)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>15.151.098.778</b>	<b>12.028.588.257</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	15.151.098.778	12.028.588.257
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.105.780.693</b>	<b>6.064.962.755</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	7.105.780.693	6.064.962.755
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>189.193.020.706</b>	<b>184.358.708.278</b>

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 6

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27.266.643.937</b>	<b>26.614.173.183</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.697.008.675</b>	<b>20.490.039.721</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	4.756.594.334	4.505.118.379
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	22.860.962
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.149.888.516	6.454.935.064
4. Phải trả người lao động	314		1.626.925.927	2.215.385.549
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	87.723.848	89.057.236
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	501.998.100	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.668.703.534	1.385.847.007
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a,b	6.740.357.673	4.911.745.647
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		404.344.339	480.376.518
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		760.472.404	424.713.359
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.569.635.262</b>	<b>6.124.133.462</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15c	8.569.635.262	6.124.133.462
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 7

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>161.926.376.769</b>	<b>157.744.535.095</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>161.926.376.769</b>	<b>157.744.535.095</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		79.781.500.000	79.781.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		79.781.500.000	79.781.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(82.478.663)	(82.478.663)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		59.222.732.477	51.362.368.988
5. Cổ phiếu quỹ	415		(990.000)	(990.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.416.945.848	6.102.955.580
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.588.667.107	20.581.179.190
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		85.675.000	5.207.895.459
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		18.502.992.107	15.373.293.731
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>161.926.376.769</b>	<b>157.744.535.095</b>

Lương Thị Chí Hiếu  
Người lập biểu

Lê Thị Thanh Phượng  
Kế toán trưởng

Huỳnh Minh Trung  
Giám đốc

Tp. Cần Thơ, Việt Nam  
Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 8

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	73.335.297.866	69.133.860.186
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	73.335.297.866	69.133.860.186
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	38.407.833.247	35.869.829.247
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>34.927.464.619</b>	<b>33.264.030.939</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	393.478.665	393.557.287
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.142.989.658	1.107.300.230
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.142.989.658	1.107.300.230
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	3.250.961.436	3.283.726.144
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	7.638.336.422	6.959.641.900
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>23.288.655.768</b>	<b>22.306.919.952</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	344.448.455	219.510.490
12. Chi phí khác	32	VI.8	416.204.089	420.674.984
<b>13. Lợi nhuận khác (10) (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(71.755.634)</b>	<b>(201.164.494)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>23.216.900.134</b>	<b>22.105.755.458</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	4.713.908.027	6.646.786.727
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>18.502.992.107</b>	<b>15.458.968.731</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.229	1.832
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.229	1.832

  
Lương Thị Chí Hiếu  
Người lập biểu

  
Lê Thị Thanh Phương  
Kế toán trưởng

  
  
Huỳnh Minh Trung  
Giám đốc

Tp. Cần Thơ, Việt Nam  
Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 9

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN  
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		81.361.144.869	74.962.452.031
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(30.848.280.469)	(25.099.874.492)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.498.396.953)	(14.212.410.275)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.137.323.046)	(1.106.229.575)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.11	(8.014.597.391)	(2.161.322.674)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.876.028.793	1.088.374.427
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(11.396.074.842)	(7.868.056.427)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16.342.500.961</b>	<b>25.602.933.015</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(15.486.802.435)	(15.544.155.221)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(900.000.000)	(2.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.700.000.000	5.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.091.044	322.904.367
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12.655.711.391)</b>	<b>(12.221.250.854)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	IX.1	13.691.598.028	7.428.944.190
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	IX.2	(9.417.484.202)	(10.883.399.978)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.394.759.000)	(10.439.454.548)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.120.645.174)</b>	<b>(13.893.910.336)</b>

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 10

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN  
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(5.433.855.604)	(512.228.175)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.297.977.891	8.810.206.066
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	2.864.122.287	8.297.977.891

Lương Thị Chi Hiếu  
Người lập biểu

Tp. Cần Thơ, Việt Nam  
Ngày 22 tháng 3 năm 2024

Lê Thị Thanh Phương  
Kế toán trưởng



Huỳnh Minh Trung  
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn (gọi tắt là "Công ty") chính thức được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn theo Công văn số 1814/UBND-KT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06 tháng 7 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính: Lô 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

4. Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.

7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 85 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 84 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông cần trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản tương đương tiền:** Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

**Các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, ...

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

**Hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

###### 4.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp:

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyển giao và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (tiếp theo)

*Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế cộng (+) chi phí lãi đặt, chạy thử. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp khác liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

###### 4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>06 - 30 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>05 - 20 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>06 - 30 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>05 - 08 năm</i>

##### 5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí nâng cấp, cải tạo, di dời các tuyến ống cấp nước.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (80% đến 90% giá trị đề nghị quyết toán, tùy theo từng công trình) khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định này sẽ được điều chỉnh và ghi nhận đầy đủ theo giá trị quyết toán công trình hoàn thành.

##### 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, phân bổ đồng hồ, chi phí sửa chữa thường xuyên trong nhà máy và ngoài mạng lưới và các chi phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí thuê đất tại KCN Trà Nóc trong 408 tháng (đến năm 2046) và huyện Cờ Đỏ trong 597 tháng (đến năm 2071).

##### 7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

##### 8. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ theo Hợp đồng lao động và Quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập theo quy định hiện hành.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay**

**Chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm chi phí trích trước lãi vay và các khoản trích trước khác đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

**12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều năm kế toán tiếp theo.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều năm kế toán tiếp theo.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Vốn khác**

Vốn khác: phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**14. Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** chi phí đi vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng là 20%.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính

Chi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2023		01/01/2023	
<b>Tiền</b>	<b>1.864.122.287</b>		<b>1.297.977.891</b>	
Tiền mặt	4.988.909		1.329.393	
Tiền gửi ngân hàng	1.859.133.378		1.296.648.498	
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>1.000.000.000</b>		<b>7.000.000.000</b>	
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (lãi suất từ 3,8%/năm)	1.000.000.000		7.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>2.864.122.287</b>		<b>8.297.977.891</b>	
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.349.381.996</b>	<b>(659.641.219)</b>	<b>1.132.556.863</b>	<b>(578.114.696)</b>
Phải thu tiền nước	810.119.365	(125.959.451)	573.110.490	(44.432.928)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thuận Thành	360.863.000	(360.863.000)	360.863.000	(360.863.000)
Các đối tượng phải thu khác	178.399.631	(172.818.768)	198.583.373	(172.818.768)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.727.641.070</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt (bên liên quan - xem thuyết minh X.3)	1.727.641.070	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.077.023.066</b>	<b>(659.641.219)</b>	<b>1.132.556.863</b>	<b>(578.114.696)</b>
<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Bà Lê Thị Bảy	-	-	1.068.055.000	-
Ông Nguyễn Văn Cương	-	-	1.104.938.000	-
Các đối tượng khác	258.803.630	(19.800.000)	500.736.466	-
<b>Cộng</b>	<b>258.803.630</b>	<b>(19.800.000)</b>	<b>2.673.729.466</b>	<b>-</b>
<b>4. Phải thu khác</b>	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.577.278.307</b>	<b>-</b>	<b>1.896.565.113</b>	<b>-</b>
Tạm ứng vật tư cho các đơn vị trực thuộc để thi công, lắp đặt	1.449.661.179	-	1.497.434.662	-
Tạm ứng	53.000.000	-	147.277.000	-
Phải thu khác	74.617.128	-	251.853.451	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>501.998.100</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt (bên liên quan - xem thuyết minh X.3)	501.998.100	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.079.276.407</b>	<b>-</b>	<b>1.896.565.113</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Hàng tồn kho	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.506.292.765	(96.197.570)	4.200.310.546	(179.942.531)
<b>Cộng</b>	<b>4.506.292.765</b>	<b>(96.197.570)</b>	<b>4.200.310.546</b>	<b>(179.942.531)</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng lâu năm, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 223.734.490 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

- Lý do dẫn đến việc dự phòng giảm giá hàng tồn kho: tồn lâu năm, kỹ thuật lạc hậu và khó có khả năng tiêu thụ.

6. Nợ xấu: Xem thuyết minh trang 31.

7. Tài sản cố định hữu hình: Xem thuyết minh trang 32.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>XDCB và sửa chữa công trình mạng lưới cấp nước</b>	<b>15.151.098.778</b>	<b>-</b>	<b>12.028.588.257</b>	<b>-</b>
Mua sắm	2.720.136.686	-	-	-
<i>Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại huyện Cờ Đỏ</i>	<i>2.581.172.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Vật tư hội trường trên bê tông mới</i>	<i>138.964.686</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>12.374.140.452</b>	<b>-</b>	<b>11.969.833.857</b>	<b>-</b>
<i>Nhà máy nước Cờ Đỏ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>3.641.834.575</i>	<i>-</i>
<i>Nhà máy nước Trà Nóc</i>	<i>4.243.145.173</i>	<i>-</i>	<i>594.577.483</i>	<i>-</i>
<i>Công trình tuyến ống 60 + 220 PVC cầu Vàm Nhơn đến cầu Rạch Nhum - Thới Lai</i>	<i>1.966.627.122</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>6.164.368.157</i>	<i>-</i>	<i>7.733.421.799</i>	<i>-</i>
Sửa chữa lớn TSCĐ	56.821.640	-	58.754.400	-
<b>Cộng</b>	<b>15.151.098.778</b>	<b>-</b>	<b>12.028.588.257</b>	<b>-</b>

9. Chi phí trả trước	31/12/2023		01/01/2023	
	a. Ngắn hạn	b. Dài hạn	a. Ngắn hạn	b. Dài hạn
Công cụ dụng cụ xuất dùng	317.314.887	-	317.314.887	-
<b>Cộng</b>	<b>317.314.887</b>	<b>-</b>	<b>317.314.887</b>	<b>-</b>
Chi phí thuê đất (*)	3.382.061.715	3.507.239.343	3.382.061.715	3.507.239.343
Chi phí phân bổ đồng hồ thuê bao	1.455.511.932	1.306.052.794	1.455.511.932	1.306.052.794
Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa	287.853.532	-	287.853.532	-
Chi phí mở rộng mạng lưới nhỏ	30.911.433	157.404.706	30.911.433	157.404.706
Chi phí sửa chữa	1.636.991.431	889.963.595	1.636.991.431	889.963.595
Công cụ, dụng cụ	312.450.650	204.302.317	312.450.650	204.302.317
<b>Cộng</b>	<b>7.423.095.580</b>	<b>6.732.909.761</b>	<b>7.423.095.580</b>	<b>6.732.909.761</b>

(\*) Đây là chi phí thuê đất trả tiền một lần tại Khu Công nghiệp Trà Nóc đến năm 2046 và tại nhà máy nước huyện Cờ Đỏ đến năm 2071.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 19

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Môi trường Thuận Lâm Phát	612.595.000	612.595.000	442.260.000	442.260.000
Công ty CP Sản xuất & Thương mại Tường Vân	2.773.605.084	2.773.605.084	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	-	-	16.775.000	16.775.000
Các nhà cung cấp khác	1.370.394.250	1.370.394.250	4.046.083.379	4.046.083.379
<b>Cộng</b>	<b>4.756.594.334</b>	<b>4.756.594.334</b>	<b>4.505.118.379</b>	<b>4.505.118.379</b>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023
Thuế giá trị gia tăng	-	100.257.099	100.257.099	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.699.497.603	4.713.908.027	8.014.597.391	1.398.808.239
Thuế thu nhập cá nhân	5.594.309	335.076.771	336.856.319	3.814.761
Thuế tài nguyên	33.492.880	469.911.240	463.155.120	40.249.000
Thuế khác (thuế đất)	-	1.926.089	1.926.089	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí BVMT và phí BVMT rừng	1.716.350.272	5.245.643.742	6.470.539.978	491.454.036
Phí khai thác tài nguyên nước	-	977.246.000	761.683.520	215.562.480
<b>Cộng</b>	<b>6.454.935.064</b>	<b>11.847.968.968</b>	<b>16.153.015.516</b>	<b>2.149.888.516</b>

Nghĩa vụ của Công ty về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật, các văn bản dưới luật và các quy định về thuế đôi với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cụ thể của cơ quan thuế.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Trích trước chi phí lãi vay	Các khoản trích trước khác	Trích trước chi phí lãi vay	Các khoản trích trước khác
<b>Cộng</b>	<b>22.723.848</b>	<b>65.000.000</b>	<b>17.057.236</b>	<b>72.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>87.723.848</b>	<b>89.057.236</b>	<b>87.723.848</b>	<b>89.057.236</b>
13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Lãi trả góp từ chuyển nhượng tài sản cố định	501.998.100	-	-
<b>Cộng</b>	<b>501.998.100</b>	<b>-</b>	<b>501.998.100</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 20

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2023	01/01/2023
Phí bảo vệ môi trường	321.198.092	478.145.813
Cổ tức phải trả	893.365.442	725.437.742
Sở khoa học và Công nghệ Thành phố Cần Thơ (*)	276.000.000	-
Các khoản phải trả khác	178.140.000	182.263.452
<b>Cộng</b>	<b>1.668.703.534</b>	<b>1.385.847.007</b>

(\*) Đây là số tiền kinh phí thực hiện dự án "Nghiên cứu ứng dụng công nghệ điện từ cảm biến hệ thống mạng lưới các tuyến ống cấp nước và giám sát chất lượng nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn" đợt 1 đã nhận từ sở Khoa học và Công nghệ Tp.Cần Thơ.

15. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>4.963.853.673</b>	<b>4.963.853.673</b>	<b>2.871.692.281</b>	<b>2.871.692.281</b>
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ	3.873.589.353	3.873.589.353	2.871.692.281	2.871.692.281
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Tây Đô	1.090.264.320	1.090.264.320	-	-
<b>b. Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.776.504.000</b>	<b>1.776.504.000</b>	<b>2.040.053.366</b>	<b>2.040.053.366</b>
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ	1.116.000.000	1.116.000.000	1.379.549.366	1.379.549.366
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Tây Đô	660.504.000	660.504.000	660.504.000	660.504.000
<b>c. Vay dài hạn</b>	<b>8.569.635.262</b>	<b>8.569.635.262</b>	<b>6.124.133.462</b>	<b>6.124.133.462</b>
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ	6.633.316.698	6.633.316.698	3.527.310.898	3.527.310.898
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Tây Đô	1.936.318.564	1.936.318.564	2.596.822.564	2.596.822.564
<b>Cộng</b>	<b>15.309.992.935</b>	<b>15.309.992.935</b>	<b>11.035.879.109</b>	<b>11.035.879.109</b>

**Thuyết minh khoản vay Ngân hàng:**

(1) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư (VND)	Hình thức đảm bảo
12/2023/HĐHM-VCBTCT	12/6/2023 12 tháng	6%-8,2%	3.873.589.353	Hệ thống cấp nước các tuyến ống và máy móc thiết bị

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 21

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

(1) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư (VND)	Hình thức đảm bảo
31/2020/HĐTL-VCBTCT	29/9/2020 120 tháng	9,2%	3.527.310.898	Hệ thống cấp nước các tuyến ống và máy móc thiết bị
13/2023/HĐTL-VCBTCT	12/6/2023 120 tháng	7,8%	4.222.005.800	Hệ thống bể chứa nước sạch dung tích 2.500 m3 nhà máy nước Trà Nóc

(2) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Tây Đô gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư (VND)	Hình thức đảm bảo
01/2020 - HĐCVDADT/NHCT824 - CTCAP-NUOC-TRA-NOC-O-MON	30/9/2020 84 tháng	8,90%	660.504.000	Hệ thống nâng lượng mặt trời, hệ thống tuyến ống D400 gang, 300 gang, D315HDPE, 200, 168, 144, 60 PVC tại huyện Cờ Đỏ.
01/2023- HDDCVHM/NHCT824- CTCAP/NUOCTRANOCO MON	16/5/2023 12 tháng	8%-8,5%	1.090.264.320	Trạm biến áp 320 KVA tại Nhà máy nước Cờ Đỏ

**16. Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem thuyết minh trang 33.

b. Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ	65,42%	52.195.240.000	52.195.240.000
Các cổ đông khác	34,58%	27.586.260.000	27.586.260.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>79.781.500.000</b>	<b>79.781.500.000</b>
<i>Cổ phiếu quỹ</i>		<i>(990.000)</i>	<i>(990.000)</i>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Vốn góp của chủ sở hữu		79.781.500.000	79.781.500.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>		<i>79.781.500.000</i>	<i>79.781.500.000</i>
<i>Vốn góp cuối năm</i>		<i>79.781.500.000</i>	<i>79.781.500.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		13.562.686.700	10.371.466.300

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 22

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

d. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn tại nghị quyết thường niên năm 2020 và nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 7 năm 2021 về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành để triển khai thực hiện dự án. Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Mục đích sử dụng	Kế hoạch (VND)	Đã sử dụng (VND)
Phân bổ cho dự án nhà máy nước Cờ Đờ	15.956.100.000	15.956.100.000
Chi trả nhà thầu thi công công trình	-	15.810.084.853
Chi trả chi phí giám sát công trình	-	108.116.638
Chi trả chi phí bảo hiểm thi công công trình	-	37.898.509
Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	10.637.400.000	10.637.400.000
Chi trả nợ ngắn hạn	-	2.931.046.808
Chi tiền cho vay	-	43.947.393
Chi mua đất nhà máy nước Cờ Đờ	-	400.000.000
Chi mua vật tư sản xuất và thi công công trình khác	-	6.386.131.848
Chi nộp thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	876.273.951
<b>Cộng</b>	<b>26.593.500.000</b>	<b>26.593.500.000</b>

Số tiền còn lại của đợt phát hành cổ phiếu, Công ty cam kết sử dụng đúng mục đích huy động vốn.

e. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.978.150	7.978.150
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.978.150	7.978.150
Cổ phiếu phổ thông	7.978.150	7.978.150
Số lượng cổ phiếu được mua lại	99	99
Cổ phiếu phổ thông	99	99
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.978.051	7.978.051
Cổ phiếu phổ thông	7.978.051	7.978.051
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	4.416.945.848	6.102.955.580
<b>Cộng</b>	<b>4.416.945.848</b>	<b>6.102.955.580</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiểu sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu khai thác, cung cấp nước	70.515.290.476	66.698.681.190
Doanh thu lắp đặt, công trình	2.391.200.644	2.435.178.996
Doanh thu khác	428.806.746	-
<b>Cộng</b>	<b>73.335.297.866</b>	<b>69.133.860.186</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu sản xuất nước	70.515.290.476	66.698.681.190
Doanh thu lắp đặt, công trình	2.391.200.644	2.435.178.996
Doanh thu khác	428.806.746	-
<b>Cộng</b>	<b>73.335.297.866</b>	<b>69.133.860.186</b>

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn sản xuất nước	35.185.985.001	33.127.154.239
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(83.744.961)	-
Giá vốn lắp đặt, công trình	2.942.325.050	2.742.675.008
Giá vốn khác	363.268.157	-
<b>Cộng</b>	<b>38.407.833.247</b>	<b>35.869.829.247</b>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trả góp	393.478.665	393.557.287
<b>Cộng</b>	<b>393.478.665</b>	<b>393.557.287</b>

5. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	1.142.989.658	1.107.300.230
<b>Cộng</b>	<b>1.142.989.658</b>	<b>1.107.300.230</b>

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.250.961.436	3.283.726.144
<b>Cộng</b>	<b>3.250.961.436</b>	<b>3.283.726.144</b>

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	2.243.198.070	2.369.821.783
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.768.916	42.069.811
Thuế, phí, lệ phí	1.616.051.085	883.299.384
Dự phòng phải thu khó đòi	101.326.523	44.432.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.502.938	98.696.915
Chi phí bằng tiền khác	3.390.488.890	3.521.321.079
<b>Cộng</b>	<b>7.638.336.422</b>	<b>6.959.641.900</b>

7. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Nhận bồi thường di dời đường ống cấp nước	182.216.545	165.163.260
Thu nhập khác	162.231.910	54.347.230
<b>Cộng</b>	<b>344.448.455</b>	<b>219.510.490</b>

8. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí thanh lý vật tư	-	43.911.387
Các khoản bị phạt	212.570.565	-
Chi phí khác	203.633.524	376.763.597
<b>Cộng</b>	<b>416.204.089</b>	<b>420.674.984</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 24

	Năm 2023	Năm 2022
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.860.350.603	2.761.049.954
Chi phí nhân công	16.345.337.627	16.708.630.984
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.658.894.072	10.369.021.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.179.714.739	8.139.381.483
Chi phí khác bằng tiền	8.110.682.888	7.708.339.660
<b>Cộng</b>	<b>48.154.979.929</b>	<b>45.686.423.288</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>23.216.900.134</b>	<b>22.105.755.458</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>		
Các khoản điều chỉnh tăng	352.640.000	552.528.174
+ Chi phí không được trừ	352.640.000	552.528.174
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)</b>	<b>23.569.540.134</b>	<b>22.658.283.632</b>
<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.713.908.027</b>	<b>4.531.656.726</b>
<b>5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay</b>	<b>-</b>	<b>2.115.130.001</b>
<b>6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.713.908.027</b>	<b>6.646.786.727</b>
<b>11. Lợi nhuận cơ bản</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.502.992.107	15.458.968.731
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(723.466.991)	(844.138.733)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(723.466.991)	(844.138.733)
+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(723.466.991)	(844.138.733)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.779.525.116	14.614.829.998
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.978.051	7.978.051
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.229	1.832
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	2.229	1.832

(\*) Công ty tạm ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và thù vụ năm 2023 theo tỷ lệ tương ứng với phương án phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2022 để tạm tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(\*\*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2023.

## VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 12.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất cố lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023</b>		
VND	+100	(124.458.706)
VND	-100	124.458.706
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022</b>		
VND	+100	607.694
VND	-100	(607.694)

### 2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	6.740.357.673	8.569.635.262	-	15.309.992.935
Phải trả người bán	4.756.594.334	-	-	4.756.594.334
Chi phí phải trả	87.723.848	-	-	87.723.848
Các khoản phải trả, phải nộp khác	775.338.092	-	-	775.338.092
<b>Cộng</b>	<b>12.360.013.947</b>	<b>8.569.635.262</b>	<b>-</b>	<b>20.929.649.209</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	4.911.745.647	6.124.133.462	-	11.035.879.109
Phải trả người bán	4.505.118.379	-	-	4.505.118.379
Chi phí phải trả	89.057.236	-	-	89.057.236
Các khoản phải trả, phải nộp khác	660.409.265	-	-	660.409.265
<b>Cộng</b>	<b>10.166.330.527</b>	<b>6.124.133.462</b>	<b>-</b>	<b>16.290.463.989</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng một phần phương tiện vận tải, truyền dẫn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.15 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH:** Xem thuyết minh trang 34.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 27

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2023	Năm 2022
<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	13.691.598.028	7.428.944.190
<b>2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	9.417.484.202	10.883.399.978

**X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính quan trọng nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính phải thuyết minh trong báo cáo tài chính.

**2. Các thông tin khác và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có thông tin và sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Cùng Công ty mẹ

Trong năm, các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ	Mua hàng hóa	34.702.000	267.204.200
	Chia cổ tức	8.873.180.800	6.785.381.200
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Thu tiền nợ vay	-	3.000.000.000
	Lãi cho vay	-	50.520.529
	Chuyển nhượng tài sản	1.706.334.324	-
	Lãi chuyển nhượng tài sản	56.508.783	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với bên liên quan như sau:

Phái thu khách hàng dài hạn	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Chuyển nhượng tài sản	1.727.641.070	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.727.641.070</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn khác		31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Lãi bán trả góp	501.998.100	-
	<b>Cộng</b>	<b>501.998.100</b>	<b>-</b>
Phải trả người bán là bên liên quan		31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ	Mua hàng hóa	-	(16.775.000)
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>(16.775.000)</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 28

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc		Năm 2023	Năm 2022
<b>1. Hội đồng quản trị</b>			
Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	129.960.000	74.400.000
Ông Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	84.350.000	50.400.000
Ông Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	84.350.000	50.400.000
Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT	73.030.000	50.400.000
Bà Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT	84.350.000	50.400.000
<b>2. Ban kiểm soát</b>			
Bà Ngô Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	435.567.614	446.320.000
Ông Hoàng Văn Khiêm	Thành viên Ban kiểm soát	62.490.000	37.800.000
Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	65.570.000	37.800.000
<b>3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng</b>			
Ông Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	439.337.614	472.355.614
Ông Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	407.787.614	441.510.000
Ông Thái Minh Lực	Phó Giám đốc	410.112.614	422.640.000
Bà Lê Thị Thanh Phượng	Kế toán trưởng	378.562.614	386.794.386
<b>Cộng</b>		<b>2.655.468.070</b>	<b>2.521.220.000</b>

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước. Công ty hoạt động chủ yếu trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**5. Thông tin so sánh**

Một số chỉ tiêu so sánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại, không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động kinh doanh.

Liên quan đến việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022		Chênh lệch
		Số đã trình bày	Số trình bày lại	
<b>Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.927	1.832	(95)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.927	1.832	(95)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 29

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 8.317.272.881 VND. Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường trong thời gian tới cũng như được sự hỗ trợ tài chính từ các Chủ sở hữu trong tương lai. Do vậy, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

*[Signature]*

**Lương Thị Chí Hiếu**  
Người lập biểu

Tp. Cần Thơ, Việt Nam  
Ngày 22 tháng 3 năm 2024

*[Signature]*

**Lê Thị Thanh Phượng**  
Kế toán trưởng



*[Signature]*

**Huỳnh Minh Trung**  
Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 30



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.16. Vốn chủ sở hữu**  
**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vấn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	79.781.500.000	(82.478.663)	(990.000)	44.233.913.987	7.586.974.929	21.679.997.351	153.198.917.604
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	15.458.968.731	15.458.968.731
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2021	-	-	-	-	-	(456.209.940)	(456.209.940)
Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2022	-	-	-	-	-	(85.675.000)	(85.675.000)
Trích lập quỹ của doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(5.644.435.652)	-
Tái sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.128.455.001	(7.128.455.001)	-	-
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	-	(10.371.466.300)	(10.371.466.300)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	79.781.500.000	(82.478.663)	(990.000)	51.362.368.988	6.102.955.580	20.581.179.190	157.744.535.095
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	79.781.500.000	(82.478.663)	(990.000)	51.362.368.988	6.102.955.580	20.581.179.190	157.744.535.095
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	18.502.992.107	18.502.992.107
Trích lập quỹ của doanh nghiệp năm	-	-	-	-	-	(6.174.353.757)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2022	-	-	-	-	6.174.353.757	(738.463.733)	(738.463.733)
Tái sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.860.363.489	(7.860.363.489)	-	-
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	-	-	(13.562.686.700)	(13.562.686.700)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	79.781.500.000	(82.478.663)	(990.000)	59.222.732.477	4.416.945.848	18.588.667.107	161.926.376.769

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

(CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN)

Trang 33

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	2.800.000.000	-
Phải thu khách hàng	3.077.023.066	(679.441.219)	1.132.556.863	(578.114.696)
Phải thu khác	576.615.228	-	251.853.451	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.864.122.287	-	8.297.977.891	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.517.760.581</b>	<b>(679.441.219)</b>	<b>12.482.388.205</b>	<b>(578.114.696)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ (*)	15.309.992.935	-	11.035.879.109	-
Phải trả người bán	4.756.594.334	-	4.505.118.379	-
Chi phí phải trả	87.723.848	-	89.057.236	-
Phải trả khác	775.338.092	-	660.409.265	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.929.649.209</b>	<b>-</b>	<b>16.290.463.989</b>	<b>-</b>

(\*) Sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền với lãi suất 11%/năm.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

(CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN)

Trang 34





**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**

*Cần Thơ, ngày 11 tháng 4 năm 2024*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Hữu Lộc**